CHAPTER 1

PEOPLE, VICTORY, LIFE AFTER THE WAR

Featured Artists | Nghệ sĩ tham gia
Bàng Nhất Linh, Chu Thảo, Đỉnh Q. Lê, Laurent Weyl, Lê Quý Tông, Nguyễn Huy An, Nguyễn Quốc Chánh, Phạm Thanh Tâm, The Propeller Group, Trâm Carin Lương, Trương Công Tùng, Võ An Khánh and Vương Duy Khoái.

Venues | Địa điểm
EMASI Nam Long School

Curated by | Giám tuyển
Gridthiya Gaweewong and Students | Gridthiya Gaweewong và học sinh

PEOPLE, VICTORY, LIFE AFTER THE WAR

People, Victory, Life after the War

Con người, Vinh quang và Cuộc sống sau Chiến tranh

A two-chapter exhibition from
the Nguyen Art Foundation collection
26 March - 17 December 2021
Monday to Friday 8 am to 5 pm
EMASI School Nam Long & Van Phuc

Trưng bày hai Chương đến từ
bộ sưu tập của The Nguyễn Art Foundation
26 tháng 3 - 17 tháng 12, 2021
Thứ 2 - Thứ 6 | 8h - 17h
Trường EMASI Nam Long & Vạn Phúc

Feartured Artist | Nghệ sĩ tham gia

Bùi Duy Khánh
Cian Duggan
Doãn Hoàng Lâm
Đỗ Thị Ninh
Hà Ninh Phạm
Lê Quốc Thành
Lê Quý Tông
Nguyễn Phương Linh
Nguyễn Văn Cường
Phạm Thanh Tâm
Thảo Nguyên Phan
Trương Hiếu
Tuýp Trần

Curated by Gridthiya Gaweewong and Students
Giám tuyển bởi Gridthiya Gaweewong và học sinh

Participant Students | Học sinh tham gia

EMASI School Nam Long
Hà Duy Anh 8A,
Đỗ Lê Hải Quỳnh 8A,
Trần Bách Gia Hương 8A,
Vũ Châu Anh 8A,
Nguyễn Ngọc Phương Uyên 8A,
Phạm Nguyễn Thùy Dương 8A,
Nguyễn Trần Phúc Nguyên 10A,
Nguyễn Xuân Đạt 10A
Trần Thế Bảo 11A,
Phạm Quốc An 11A

EMASI School Van Phuc
Nguyễn Hữu Minh 10A,
Đào Minh Phương 10A,
Đặng Minh Bảo Quyên 11A,
Bùi Lâm Hành Trinh 11A,
Hồ Huỳnh Gia Bảo 11A
Lăng Nguyễn Mai Hân 11A,
Nguyễn Song Quỳnh Hiếu 11A,
Nguyễn Mỹ Anh 11A,
Lê Trần Thúy Hồng 11A,
Phan Quang Huy 11A
Lê Minh Bảo Ngọc 11A,
Nguyễn Văn Kiên 11A,
Huỳnh Trần Tân Phú 11A

Renaissance International School Saigon
Trần Ngọc Bảo Nghi (Kelly) grade 12
Kim Jeong Won grade 12
Phạm Lê Như Long grade 12
Nguyễn Minh Anh grade 12
Tăng Mỹ Hân grade 12

CONTENT | NỘI DUNG

Introduction	Giới thiệu	8
Curator's note	Ghi chú của Giám tuyển	10
Phạm Thanh Tâm	28
Vương Duy Khoái	29
Chu Thảo	30
Phạm Thanh Tâm	48
Võ An Khánh	58
The Propeller Group	60
Nguyễn Huy An	62
Trâm Carin Lương	64
Lê Quý Tông	66
Laurent Weyl	68
Nguyễn Quốc Chánh	70
Đỉnh Q. Lê	72
Bàng Nhất Linh	74
Trương Công Tùng	76
Artist Biography	Tiểu sử của nghệ sĩ	78
List of Works	Danh sách tác phẩm	92
Acknowledgement	Tri ân	98

As art collectors go, Quynh Nguyen had an early start. When still a student, she sat for a portrait by Bui Quang Ngoc, an acclaimed Vietnamese painter, and promptly fell in love with the painting. Not least because she felt it sat outside the canon dominated by demure, long-haired maidens. Yet it took Quynh five years to work up the courage and ask the artist to sell it to her. The collector has been much more decisive with the acquisitions that followed, usually buying on the spot.

The school girl portrait started a collection that formed the basis of the Nguyen Art Foundation (NAF), a nonprofit organization founded in 2018 with a goal of promoting contemporary art. With hundreds of paintings, sculptures, performance art pieces and installations, NAF is one of Vietnam's largest private collections of contemporary art.

The collection focuses on artists connected in any way to Vietnam. It refuses to limit artists by any definition of their identity that is restricted to nationality, instead prioritising their practice and artistic concept as defining factors. It collects works from both Vietnamese and foreign artists, enlarging definitions of what is considered 'Vietnamese' art, and problematising the term 'Vietnamese artist'.

Under the advisory of Cam Xanh (pseudonym of Thanh Tran Ha), artist and founder of MoT+++, since its conception, the foundation has worked to build an alternative infrastructure for the arts in Vietnam, and construct the base for what it hopes will form Vietnam's first museum of contemporary art. The foundation aims to expand the possibilities for contemporary art in Vietnam by facilitating global overall growth of the Vietnamese art scene.

Với tư cách là một nhà sưu tầm nghệ thuật, Nguyễn Thuý Quỳnh đã có một sự khởi đầu sớm. Khi còn là sinh viên, cô ngồi làm mẫu cho một bức chân dung của hoạ sĩ Bùi Quang Ngọc, một họa sĩ Việt Nam rất được yêu thích, và cô ngay lập tức yêu bức tranh ấy. Điều quan trọng đó là cô cảm thấy nó vượt ra khỏi tiêu chuẩn hình ảnh người phụ nữ phải gắn liền với mái tóc dài, đoan trang. Mãi đến năm năm sau đó, Quỳnh mới có can đảm yêu cầu nghệ sĩ bán bức chân dung năm xưa cho cô. Sau này cô trở nên quyết đoán hơn khi thu mua tác phẩm và cô thường mua luôn tại chỗ.

Bức chân dung vẽ cô nữ sinh tóc ngắn ấy được xem như là bước khởi đầu của The Nguyễn Art Foundation (NAF), một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 2018 với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật đương đại. Với hàng trăm bức tranh, tác phẩm điêu khắc, nghệ thuật trình diễn và sắp đặt, NAF là một trong những bộ sưu tập tư nhân lớn nhất ở Việt Nam về nghệ thuật đương đại.

Bộ sưu tập tập trung vào các nghệ sĩ sự kết nối với Việt Nam bằng nhiều hình thức. Không có sự giới hạn các nghệ sĩ bằng bất kỳ hình thức nào như danh tính hay quốc tịch, thay vào đó các yếu tố quyết định bao gồm sự thực hành nghệ thuật và khái niệm nghệ thuật của họ. Quỳnh thu thập các tác phẩm từ nghệ sĩ Việt Nam và nước ngoài, mở rộng định nghĩa nghệ thuật 'Việt Nam' và 'nghệ sĩ Việt Nam'.

Dưới sự cố vấn của Cam Xanh (nghệ danh của Trần Thanh Hà), là nghệ sĩ và người sáng lập Mot +++. Từ ý tưởng ban đầu của mình , NAF từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghệ thuật tại Việt Nam và xây dựng nền móng với hy vọng sẽ thành lập Bảo tàng nghệ thuật đương đại tư nhân đầu tiên ở Việt Nam. NAF mong muốn mở ra nhiều cơ hội cho nghệ thuật đương đại Việt Nam bằng cách tạo điều kiện cho sự phát triển trên quy mô toàn cầu của tương lai nghệ thuật Việt Nam.

People, Victory and Life After the War
A two-chapter exhibition from the Nguyen Art Foundation collection
Curated by Gridthiya Gaweewong and students from Renaissance International School, EMASI Nam Long and EMASI Van Phuc

Curator's Note:
People, Victory and Life after the War is an art exhibition about the past and present of Vietnamese artistic practices drawn from the war sketches and contemporary artworks from the Nguyen Art Foundation collection, initiated in 2018 by Mrs Nguyễn Thuý Quỳnh, one of the founders of the Renaissance International School. The exhibition is located within the context of the school and aims to use the curatorial process and exhibition making as educational tools to engage with students and encourage them to undertake art history based research and exhibition making, with the ultimate goal of enhancing the art appreciation and visual experience of both students and the general public. A secondary objective is to use the collection as a learning process to help understand the art history of Vietnam associated with its social and political context and to establish a dialog among different generations of artists, art lovers and students.

Since the Foundation's core value is education, I originally proposed experimenting with long-distance exhibition-making focusing on the works in the collection and trying to engage with living artists whose works could be exhibited in the show and with students from the schools. These exhibitions can serve as teaching materials for teachers and students, with the show used to teach different subjects such as history, art, storytelling and writing. It consists of two didactic exhibitions designed to create public awareness of the collection through multiple educational platforms such as exhibitions, research, workshops, lectures and oral history projects. As the Covid-19 pandemic makes it impossible to access the collection physically, I wanted to try different methods to work on the exhibition from a distance. With the support of art teachers from both campuses, we shared the collection with students and ran an online workshop. Students were asked to identify the ideas behind the artworks, looking at the keywords and grouping the artworks. Finally, they were asked to choose their favorite things about the artworks. Most of the students selected the quiet, peaceful, serene works which unfortunately cannot be entirely presented in this show due to location and inaccessibility. But I managed to keep one group, selected by the students at Van Phuc, which was my inspiration for the title *People, Victory and Life after the War.*

Based on my examination of the Nguyen Art Foundation, there are two major types of artworks in the collection: first the historical works of war sketches produced around the early and mid-20th century by Army artists, and second, contemporary artworks by Vietnamese and international artists. As a result, the structure of this exhibition series is made up of two chapters of the war sketches and contemporary art to show simultaneously at the galleries of EMASI schools, the Nam Long and Van Phuc art spaces. The exhibition aims to use the war sketches as the departure points for students and general viewers to learn about art in the social history and politics of Vietnam. This two-chapter exhibition presents a display of the past and present by combining war sketches and contemporary art. It aims to create a dialog between the works in the collection, such as the war sketches by Trương Hiếu and Phạm Thanh Tâm and contemporary art. For the war sketches, it will discuss the role of artists during wartime. What kind of roles and responsibilities were played by artists in the army? How did they work and how did they distribute their works? What are their reflections on their artworks in today's context? And how do students relate to this part of history? For contemporary art, I proposed working with students in conducting research about the collection and encouraging them to select artists whose works connect conceptually or visually to the wartime series by Phạm Thanh Tâm, Trương Hiếu, Võ An Khánh and Đỗ Thị Ninh. Works were later selected with the students, and the curator once the research was completed.

The two-chapter exhibition
Questions raised during the curatorial process included how artists of the past reflect on their own artworks in today's context, how young contemporary artists perceive the memories of the war and, most importantly, how students relate to this part of history. To experiment with the curatorial practice, the collaboration with students of the EMASI Schools, art teachers and the staff to stage the exhibition online during Covid–19 would have been smoother had we been able to do it on-site. Using the collections and exhibition-making as educational tools, students were encouraged to select the artworks, rationalize their choices and group them through online meetings and a workshop. Based on this experiment, the exhibition slowly took shape. Its title was inspired by

the students of EMASI Van Phuc, who encapsulated the sentiments of the younger generations towards Vietnamese socio-political history. The exhibition was constructed into two chapters which will be exhibited simultaneously at the EMASI school's two campuses from March to December 2021.

People, Victory and Lives after the War: Chapter 1
The first chapter focuses directly on the American War memory and experiences, with close-up perspectives rendered in war sketches by Army artists and contemporary works by young artists from Vietnam and beyond. Participating artists include Bàng Nhất Linh, Chu Thảo, Đỉnh Q. Lê, Laurent Weyl, Lê Quý Tông, Nguyễn Huy An, Nguyễn Quốc Chánh, Phạm Thanh Tâm, The Propeller Group, Trâm Carin Lương, Trương Công Tùng, Võ An Khánh, and Vương Duy Khoái. The exhibition untangles a meticulous examination process of Vietnamese socio-political history during the American War through historical drawings and contemporary artworks reflecting direct experiences of the effects of the war from the perspectives of the North and the South. *People, Victory and Life after the War* is manifested in the small war portraits of Phạm Thanh Tâm and a serene landscape by Vương Duy Khoái. This selection by young students encapsulated their perception and sentiments about the memory of a war they did not experience but witnessed how the country came through and steadily shaped the fast-growing and resilient society it is today.

The show attempts to reflect the nature of the collection, which consists mainly of two types of works – war sketches and contemporary art – rendered in the structure of the exhibition which juxtaposes the past and the present. Chapter one features the war sketches of Chu Thảo, a former reporter and army artist who remarkably recorded details and the identity of most of his subjects from the Mekong Delta to the Cambodian border in the 1970s. Thảo's works provide a significant opportunity for us to get to know the people he drew so that they are no longer merely 'portraits' or 'nameless persons'. The works by Phạm Thanh Tâm, meanwhile, deal with the war experience, people in daily life, war machines and operational scenes in both outpost stations and the countryside. These two series of works give more details about the lives of civilians and the military during the War and are reinforced by the powerful photography of Võ An Khánh, the war journalist who worked in the mangroves forests of Vietnam's South from the start of the American War in the 1960s. His iconic photography of secret missions of the Viet Minh in the Mekong Delta area, such as a medical operation station of the Viet Minh Guerrilla was

highly acclaimed as the alternate voice, a counter-narrative of the American War portrayed by the West. Carrying the negative films until the end of the War, his works were discovered by Doug Niven, the AFP journalist who went on to author the book, *Another Vietnam*.

The Đổi Mới policy allowed many young Vietnamese diaspora artists to return to their homeland after their forced migration of more than two decades. Their works on the American War were based on their own experiences and reexamined the remnants of war through the history of ideas, objects of war and memorabilia. Trying to imagine the impossible, The Propeller Group's video and sculpture entitled *AK-47 vs. M16* merged bullets from two opposition weapons from the representative countries of the free world, the US (M16) and the USSR (AK-47), during the cold war into one object. In the video performance, the artists' collective presented the symbols of contested ideology from both worlds, despite their being branded and claimed as 'weapons of peace'. In contrast to The Propeller group, Trâm Carin Lương's video installation, *Marx.Weber.Hegel.Andme* explored the influential philosophers from the 19th century whose works and ideas shaped modern Vietnam. Collecting war-related readymade objects from Ho Chi Minh City represented how the younger generation perceived the after-effects of the war, as a positive gesture and hope. Nguyễn Huy An and Trâm Carin Lương explored the idea of communism and traced how the ideology affected people's consciousness differently through its propaganda and education. Born and raised in Hanoi, Nguyễn Huy An perceived the American War differently from the returnees. He collected 29 Vietnamese alphabet letters from propaganda slogans on village walls. The way he removed and deconstructed them from the political context and returned them to their origin in a linguistic context subtly reminds us of the power of language and how languages can be easily constructed and manipulated. Huy An's other piece, *Study of The Fluctuation of a Shadow*, is about the twisted and satirical perceptions of the iconic statue of Lenin, an influential political figure in Vietnam, especially Hanoi. Based on a mathematical study of the shadow, the artist used 3 pm to suggest the position of the statues in today's reality.

The historical sites and memories during the war are revisited and demonstrated in the works of Lê Quý Tông, Laurent Weyl and Nguyễn Quốc Chánh. Lê Quý Tông's painting, *B29 Plane*, focuses on the collective memory and trauma drawn from the images in the mass media. In this series, he

investigated the important American War machine, the model that dropped the atomic bombs on Japan during WW2. The B29 Superfortress, a heavy bomber, was designed and built by the American Boeing company. It was developed later as the B52 model (Stratofortress or strategic bombers), which flew out of U-Tapao base in Thailand on carpet-bombing missions in Vietnam from Spring 1967[1]. Looking for the manifestation of ghosts in the past through architectural and spatial lenses, Laurent Weyl, a documentary photographer, focused on social, environmental and geopolitical issues. In the photobook series, *President Hotel*, Weyl documented the last year of this historical building, its architectural spaces and residences. To record the urban condition and swift transformation of Vietnam, Weyl's works indirectly reveal the history of Vietnam through the fatal life of this old building, which was built in the 1960s by American architects, abandoned, torn down and on the verge of being demolished[2]. While Weyl stayed true to his subject matter, Nguyễn Quốc Chánh, on the other hand, used clay and glaze as the main materials to produce his ceramics. Quốc Chánh's works are where abstract poetry and craftmanship intersect with emotional and conceptual aspects. For his latest series, *Guerilla Tactics*, Quốc Chánh locates the ceramics within Vietnamese history and cultural memory. Drawn from political references, folklore and regional pre-modern history, this series' molds were not entirely made by the artist but consisted of found objects he discovered around Biên Hòa, an industrial area in southern Vietnam. With this combination, the artist successfully recreated some abstract and ambiguous forms that transcend boundaries of national and socio-political constraints.

Bàng Nhất Linh and Trương Công Tùng explored and reassembled the remnants of found objects from the war both from material cultures and ideology. Bàng Nhất Linh's *The Vacant Chair* is named after a song written by H.S. Washburn with music by George F. Root (1820-1895) composed during the civil war in America which starts like this:

[1] https://en.wikipedia.org/wiki/Boeing_B-52_Stratofortress
[2] https://matca.vn/en/nhung-vet-tich-con-lai-cua-president-hotel/
[3] Lyrics of Vacant Chair song can be accessed in this website http://www.civilwarpoetry.org/union/songs/chair.html

We shall meet but we shall miss him.
There will be one vacant chair.
We shall linger to caress him
While we breathe our ev'ning prayer.
When one year ago we gathered,
Joy was in his mild blue eye.
Now the golden cord is severed,
And our hopes in ruin lie.[3]

This gloomy song laments the loss of a beloved son during the Thanksgiving holiday and the artist appropriates the title of this melancholic song written during the American civil war, placing it within his own social and political context. He assembles the found objects related to war memories with sounds to construct the theatrical multilayer installation dealing with the universal and human tragedy faced during the war. It's about loss and death and how war separates them from their loved ones. It reminds us how terrible the after-effects of the war are to the people left behind, no matter where they are. While Bàng Nhất Linh is interested in the materials and objects from popular culture, Trương Công Tùng reinvestigates the remnants of the physical spaces in Ho Chi Minh City urban area of District 2. In his video, *Portrait of a deforming symbol. Lost and Found*, the artist explores the urban architecture as a work in progress. It was part of his large-scale project, *'Another place across the river'*. Interested in the urban myth, he explored the area, which slowly revealed how the district had been used and accommodated the shifting society, from the billboards of state propaganda, which are now almost defunct, torn down in this forsaken area. It creates a paradox within the city area, which demonstrates the reality of Ho Chi Minh City's urban landscape.

The desperation and frustration are explicitly presented in the reflexive works by Đỉnh Q. Lê entitled *Adrift in Darkness*. Dealing with a refugee's precarious experiences, a three-dimensional sculpture mirrors his personal experience as one of the boat people who fled Vietnam during the War and subtly indicates Đỉnh's empathy with the recent African and Middle Eastern refugee exodus to Southern Europe. Đỉnh left Hà Tiên in the 1970s, when the Khmer Rouge invaded his village, going first to the south of Thailand and eventually settling in Los Angeles. He returned to Ho Chi Minh City in the 1990s and slowly integrated himself into the art community, helping to build its infrastructure and institutions like Sàn Art. This piece serves as his metaphor for contemporary planetary

issues and his continued concern about refugees status in other parts of the world. It's an embodiment of his artistic practices from working with photographs weaving American War memories to the images of African and Middle Eastern refugees floating in the dark spaces with hope and fear.

This exhibition has slowly revealed the complex layers of art history in the social context. Even though there was no intention to make the exhibition chronological, at some points it seems unavoidable. I hope that this juxtaposition of army artists with contemporary artists in this show will help us to learn more about the history of art in social context produced in this country through different periods of time. Artists have played and continue to play critical roles in the society, both during and after the war. And they will continue to be the mirror, the recorders and the examiners of our society.

Gridthiya Gaweewong
Bangkok, 19 March 2021

Con người, Vinh quang và Cuộc sống sau Chiến tranh
Giám tuyển bởi Gridthiya Gaweewong và học sinh Trường Quốc tế Renaissance, Trường song ngữ Quốc tế EMASI Nam Long và EMASI Vạn Phúc

Ghi chú của Giám tuyển:
Con người, Vinh quang và Cuộc sống sau Chiến tranh là buổi trưng bày nghệ thuật về quá khứ và hiện tại của nghệ thuật Việt Nam qua những tác phẩm kí họa chiến tranh và các tác phẩm nghệ thuật đương đại từ bộ sưu tập của the Nguyễn Art Foundation, sáng lập bởi Bà Nguyễn Thuý Quỳnh, một trong những người sáng lập trường quốc tế Renaissance Saigon. Địa điểm trưng bày nằm trong khuôn viên trường học nhằm mục đích sử dụng quy trình giám tuyển và làm triển lãm làm công cụ giáo dục để thu hút học sinh, qua đó khuyến khích các em thực hiện việc nghiên cứu và làm triển lãm dựa trên lịch sử nghệ thuật. Mục đích cuối cùng là nâng cao tình yêu nghệ thuật và đem đến sự trải nghiệm trực quan cho học sinh nói riêng và công chúng yêu nghệ thuật nói chung. Mục tiêu thứ hai của buổi trưng bày là sử dụng bộ sưu tập như một công cụ học tập để giúp mọi người hiểu thêm về lịch sử nghệ thuật của Việt Nam gắn liền với bối cảnh xã hội và chính trị và thiết lập một cuộc đối thoại giữa các thế hệ nghệ sĩ, những người yêu nghệ thuật và các em học sinh.

Vì giá trị cốt lõi của The Nguyễn Art Foundation là giáo dục, tôi đã đề xuất thử nghiệm việc thực hiện triển lãm theo đường dài, tập trung vào các tác phẩm có trong bộ sưu tập và tổ chức những buổi giao lưu với các nghệ sĩ có tác phẩm được trưng bày trong triển lãm với học sinh. Nội dung của những buổi giao lưu này có thể được dùng làm tài liệu cho giáo viên và học sinh, hỗ trợ cho các môn học như lịch sử, nghệ thuật, kể chuyện và viết văn. Buổi trưng bày gồm hai Chương mang tính giáo dục được thiết kế để tăng độ nhận diện của công chúng về bộ sưu tập thông qua nhiều hoạt động như trưng bày, nghiên cứu, giao lưu, giảng giải và các dự án tìm hiểu về lịch sử. Đại dịch Covid-19 khiến tôi không thể trực tiếp tiếp cận bộ sưu tập, vì vậy tôi đã thử các phương pháp khác nhau để tổ chức việc trưng bày từ xa. Với sự hỗ trợ của các giáo viên mỹ thuật từ 3 trường, chúng tôi đã gửi hình ảnh các tác phẩm trong bộ sưu tập đến học sinh để các em lựa chọn và sau đó chúng tôi có một buổi thảo luận trực tuyến. Các em được yêu cầu trình bày ý tưởng đằng sau các tác phẩm mình lựa chọn, đưa ra các từ khóa và nhóm các tác phẩm lại với nhau. Cuối cùng các em được yêu cầu giải thích lý do tại sao mình chọn các tác phẩm đó. Hầu hết học sinh đã chọn những tác phẩm có vẻ ngoài yên tĩnh và thanh bình nhưng rất tiếc vì không gian có hạn nên tôi không để trưng bày tất cả trong lần này được. Tôi đã giữ lại một nhóm bốn tác phẩm, được các học sinh tại trường EMASI Vạn Phúc lựa chọn, đó là nguồn cảm hứng khi tôi đặt tựa đề của buổi trưng bày là *Con người, Chiến thắng và Cuộc sống sau Chiến tranh*.

Dựa trên nghiên cứu của tôi về bộ sưu tập của The Nguyễn Art Foundation, có hai thể loại tác phẩm nghệ thuật chính trong bộ sưu tập đó là những bức kí họa chiến tranh được sáng tác vào khoảng đầu và giữa thế kỷ 20 của các nghệ sĩ quân đội và các tác phẩm nghệ thuật đương đại của nghệ sĩ Việt Nam và quốc tế. Do đó, cấu trúc của buổi trưng bày được tôi chia thành hai Chương, trưng bày đồng thời tại hai không gian nghệ thuật trường song ngữ quốc tế EMASI. Buổi trưng bày sử dụng các bức kí họa chiến tranh làm điểm khởi đầu cho học sinh và người xem tìm hiểu về nghệ thuật trong bối cảnh lịch sử xã hội và chính trị Việt Nam. Cả hai Chương đều diễn tả quá khứ và hiện tại bằng cách kết hợp các bức kí họa chiến tranh và nghệ thuật đương đại nhằm mục đích tạo ra một cuộc đối thoại giữa các tác phẩm trong bộ sưu tập, ví dụ như đối thoại giữa những bức kí họa chiến tranh của họa sĩ Trương Hiếu và họa sĩ Phạm Thanh Tâm và các tác phẩm nghệ thuật đương đại. Các tác phẩm kí họa chiến tranh thể hiện khá rõ vai trò của các họa sĩ trong thời chiến, giúp chúng ta trả lời cho những câu hỏi: Nghệ sĩ trong quân đội đảm nhận những vai trò và trách nhiệm gì? Họ đã làm việc như thế nào và họ đã bảo quản tác phẩm của mình ra sao? Vai trò của những tác phẩm này trong bối cảnh xã hội hiện tại là gì? Làm thế nào để học sinh liên hệ các tác phẩm với những dấu mốc lịch sử? Đối với nghệ thuật đương đại, tôi làm việc với học sinh trong quá trình nghiên cứu bộ sưu tập và khuyến khích các em chọn những tác phẩm kết nối về mặt thị giác và ý niệm với dòng thời gian của các cuộc chiến tranh qua những sáng tác của Phạm Thanh Tâm, Trương Hiếu, Võ Anh Khánh và Đỗ Thị Ninh. Trong giai đoạn cuối của quá trình nghiên cứu, các tác phẩm được tôi chọn lọc lại một lần trước khi lên bản phác thảo không gian trưng bày.

Trưng bày nghệ thuật 2 chương
Các câu hỏi được đặt ra trong quá trình giám tuyển bao gồm làm thế nào các nghệ sĩ thời xưa phản ánh về các tác phẩm của chính họ trong bối cảnh ngày nay, các nghệ sĩ trẻ cảm nhận những ký ức của chiến tranh và quan

trọng nhất là cách học sinh liên hệ với những dấu mốc lịch sử ra sao? Để thử nghiệm việc thực hành giám tuyển, các em học sinh của trường EMASI, trường quốc tế Renaissance, giáo viên mỹ thuật và đội ngũ hỗ trợ đã cùng tôi tổ chức một thảo luận trực tuyến. Nếu không bị cản trở bởi dịch Covid 19, chúng tôi đáng ra có thể gặp nhau để trao đổi trực tiếp. Sử dụng bộ sưu tập và cách tổ chức trưng bày làm công cụ giáo dục, học sinh được khuyến khích lựa chọn các tác phẩm nghệ thuật yêu thích, giải thích các lựa chọn của mình và nhóm chúng lại với nhau rồi trình bày trong buổi thảo luận. Dựa trên thử nghiệm này, buổi trưng bày được từng bước thành hình. Tên chủ đề được lấy cảm hứng từ các học sinh EMASI Vạn Phúc, đại diện của thế hệ trẻ với nhiều tình cảm dành cho lịch sử chính trị - xã hội Việt Nam. Buổi trưng bày được xây dựng thành hai Chương, mở cửa đón khách tham quan tại hai trường EMASI từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2021.

Con người, Vinh quang và Cuộc sống sau Chiến tranh: Chương 1

Chương đầu tiên tập trung trực tiếp miêu tả về những ký ức và trải nghiệm với những góc nhìn cận cảnh về thời chiến tranh chống Mỹ được các họa sĩ Quân đội thể hiện trong những bức kí họa chiến tranh và các tác phẩm đương đại của các nghệ sĩ trẻ Việt Nam và nước ngoài. Các nghệ sĩ tham gia gồm có Bàng Nhất Linh, Chu Thảo, Đỉnh Q. Lê, Laurent Weyl, Lê Quý Tông, Nguyễn Huy An, Nguyễn Quốc Chánh, Phạm Thanh Tâm, The Propeller Group, Trâm Carin Lương, Trương Công Tùng, Võ An Khánh, và Vương Duy Khoái. Buổi trưng bày tái hiện quá trình nghiên cứu tỉ mỉ về lịch sử chính trị - xã hội Việt Nam trong Chiến tranh chống Mỹ thông qua các bức vẽ lịch sử và các tác phẩm nghệ thuật đương đại phản ánh những trải nghiệm trực tiếp về ảnh hưởng của chiến tranh qua các góc nhìn của hai miền Nam - Bắc. *Con người, Vinh quang và Cuộc sống sau Chiến tranh* được thể hiện qua những bức vẽ chân dung của họa sĩ Phạm Thanh Tâm và phong cảnh thanh bình của họa sĩ Vương Duy Khoái. Bốn tác phẩm này được lựa chọn bởi các em học sinh trong buổi thảo luận đã gói gọn những nhận thức và cảm xúc của các em về ký ức của một cuộc chiến tranh mà các em không trải qua nhưng đã phần nào chứng kiến những bước chuyển mình của đất nước và quá trình hình thành nên một xã hội phát triển nhanh chóng và kiên cường như ngày nay.

Buổi trưng bày cố gắng phản ánh bản chất của bộ sưu tập, chủ yếu bao

gồm hai thể loại tác phẩm – kí họa chiến tranh và nghệ thuật đương đại - được thể hiện trong cấu trúc của buổi trưng bày gắn liền quá khứ và hiện tại. Chương một bao gồm những bức kí họa chiến tranh của Chu Thảo, một cựu phóng viên và nghệ sĩ quân đội, người đã ghi lại chi tiết và danh tính của những con người ông gặp từ đồng bằng sông Cửu Long đến biên giới Campuchia trong những năm 1970. Các tác phẩm của Chu Thảo cho chúng ta cơ hội để tìm hiểu những người mà ông đã vẽ, để họ không còn đơn thuần được biết đến như là những bức 'chân dung' hay 'người không tên'. Trong khi đó, các tác phẩm của Phạm Thanh Tâm đề cập đến trải nghiệm chiến tranh, con người trong cuộc sống hàng ngày, vũ khí chiến tranh và cảnh hành quân ở cả vùng chiến sự và cảnh nông thôn. Những tác phẩm của hai họa sĩ này giúp người xem hiểu thêm về cuộc sống của người dân và quân đội trong chiến tranh. Hai tác phẩm ảnh chụp của Võ An Khánh, nhà báo chiến trường đã làm việc trong các khu rừng ngập mặn ở miền Nam Việt Nam từ đầu cuộc chiến tranh chống Mỹ trong những năm 1960, cũng góp phần làm người xem thêm hiểu về những trải nghiệm chiến tranh. Những bức ảnh mang tính biểu tượng của ông miêu tả các nhiệm vụ bí mật của Việt Minh ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, chẳng hạn như lán y tế của quân du kích, được đánh giá như có một câu chuyện, một giọng nói tường thuật lại cuộc chiến tranh chống Mỹ được chụp bởi nhiếp ảnh gia phương Tây. Võ An Khánh mang theo những thước phim âm bản bên mình mãi cho đến khi Chiến tranh kết thúc, các tác phẩm của ông đã được Doug Niven, phóng viên của AFP, phát hiện. Doug Niven chính là tác giả của cuốn sách *Một Việt Nam khác*.

Chính sách Đổi Mới cho phép nhiều nghệ sĩ trẻ Việt Nam ở hải ngoại có điều kiện quay trở lại quê hương sau cuộc di cư trong suốt hơn hai thập kỉ. Các tác phẩm về cuộc chiến tranh chống Mỹ của họ dựa trên trải nghiệm của chính bản thân và quá trình tìm kiếm lại tàn tích của cuộc chiến tranh, những vật dụng và kỉ vật thời chiến. Cố gắng tưởng tượng ra những điều không thể, video và tác phẩm của The Propeller Group mang tên *AK-47 và M16* đã kết hợp hai đầu đạn từ hai phe đối lập. Khẩu M16 đại diện cho các quốc gia tự do như Mỹ và khẩu AK-47 của Liên Xô trong chiến tranh lạnh xuất hiện trong cùng một vật thể. Trong video minh họa, các nghệ sĩ đã diễn đạt biểu tượng của sự tranh chấp của hai thế giới, mặc dù hai loại vũ khí này được gắn cho cái mác là "vũ khí hòa bình". Trái ngược với nhóm The Propeller, video sắp đặt của Trâm Carin Lương, *Marx.Weber.Hegel.Vàtôi* diễn tả ảnh hưởng của các nhà triết học trong thế kỷ 19, những người có tác phẩm và ý tưởng đã

định hình triết học Việt Nam hiện đại. Việc sưu tầm các đồ vật có từ thời chiến tranh thể hiện cách thế hệ trẻ nhận thức về hậu quả của chiến tranh, như một cử chỉ tích cực và đầy hy vọng. Nguyễn Huy An và Trâm Carin Lương đã khám phá ý tưởng về chủ nghĩa cộng sản và tìm hiểu tác động của hệ tư tưởng này đối với ý thức của mọi người thông qua cách tuyên truyền và giáo dục. Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, Nguyễn Huy An cảm nhận về cuộc chiến tranh chống Mỹ khác với những người Việt Nam hồi hương. Anh đã thu thập 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt từ các khẩu hiệu tuyên truyền trên các bức tường làng. Cách anh loại bỏ và giải cấu trúc chúng khỏi bối cảnh chính trị và đưa chúng về nguồn gốc trong bối cảnh ngôn ngữ nhắc nhở chúng ta một cách tinh tế về sức mạnh của ngôn ngữ và cách ngôn ngữ có thể xây dựng và vận dụng. Tác phẩm khác của Huy An, *Chiêm nghiệm dao động của cái bóng*, nói về những nhận thức lệch lạc và trào phúng về bức tượng Lê-nin, một nhân vật chính trị có ảnh hưởng lớn ở Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội. Dựa trên một nghiên cứu toán học về cái bóng, nghệ sĩ đã sử dụng thời gian 3 giờ chiều để tái hiện vị trí của bức tượng trong thực tế.

Các di tích lịch sử và ký ức trong chiến tranh được tái hiện và thể hiện trong những tác phẩm của Lê Quý Tông, Laurent Weyl và Nguyễn Quốc Chánh. Những bức tranh của Lê Quý Tông như tác phẩm *Máy bay B29*, tập trung vào ký ức của tập thể và sự đau thương được mô phạm từ những hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong loạt sáng tác này, anh đã nghiên cứu về loại vũ khí chiến tranh quan trọng của Mỹ, máy bay đã thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản trong Thế chiến thứ 2, B29 Superfortress, dòng máy bay ném bom hạng nặng được thiết kế và chế tạo bởi công ty Boeing của Mỹ. B29 là dòng tiền nhiệm của máy bay B52 được dùng để bay ra khỏi căn cứ U-Tapao ở Thái Lan trong nhiệm vụ ném bom rải thảm ở Việt Nam mùa xuân năm 1967[1]. Laurent Weyl, một nhiếp ảnh gia phóng sự, tìm kiếm sự hiện diện của bóng hình quá khứ qua lăng kính kiến trúc và không gian, tập trung vào các vấn đề xã hội, môi trường và địa lý chính trị. Trong loạt sách ảnh, *Khách sạn President,* Weyl đã ghi lại không gian kiến trúc và người dân cư trú ở đó trong năm cuối cùng của tòa nhà lịch sử này.

[1] https://en.wikipedia.org/wiki/Boeing_B-52_Stratofortress

Thông qua việc chụp lại hiện trạng sự đô thị hóa và sự thay đổi nhanh chóng của Việt Nam, các tác phẩm của Weyl đã gián tiếp diễn tả một phần của lịch sử Việt Nam thông qua tuổi thọ lâu đời của tòa nhà cũ này. Được xây dựng vào những năm 1960 bởi các kiến trúc sư người Mỹ, sau đó bị bỏ hoang và bị phá bỏ[2]. Trong khi Weyl trung thành với vài chủ đề, Nguyễn Quốc Chánh, mặt khác sử dụng đất sét và men làm nguyên liệu chính để sáng tác. Các tác phẩm của anh là sự giao thoa giữa sự trừu tượng của thơ ca và kỹ thuật thủ công về khía cạnh cảm xúc và ý niệm. Đối với chuỗi tác phẩm mới nhất của mình, *Chiến thuật du kích,* Quốc Chánh định vị vị trí đồ gốm trong văn hóa và lịch sử Việt Nam. Tham khảo từ các tài liệu chính trị, văn hóa dân gian và lịch sử khu vực, khuôn mẫu của Quốc Chánh không hoàn toàn do anh làm ra mà được thu nhặt từ những đồ vật lịch sử được anh tìm được quanh Biên Hòa, một khu vực công nghiệp ở miền Nam Việt Nam. Với sự kết hợp này, nghệ sĩ đã thành công trong việc sáng tạo ra một số hình thái trừu tượng và mơ hồ, vượt qua ranh giới ràng buộc trong phạm vi quốc gia và chính trị xã hội.

Bàng Nhất Linh và Trương Công Tùng lại khám phá và thu nhặt lại những đồ vật còn sót lại trong chiến tranh có giá trị văn hóa vật chất lẫn tinh thần. Tác phẩm Chiếc ghế trống của Bàng Nhất Linh được đặt tên theo bài hát do do George F. Root (1820-1895) phổ nhạc vào năm 1861 dựa trên một bài thơ của Henry S. Washburn bắt đầu như thế này:

Chúng ta sẽ gặp nhau nhưng chúng ta luôn nhớ cậu ấy.
Sẽ có một chiếc ghế trống.
Chúng ta sẽ nán lại để vuốt ve cậu ấy
Khi chúng ta thầm thì lời cầu nguyện trong đêm.
Mới một năm trước, chúng ta còn quây quần bên nhau,
Niềm vui tràn ngập trong đôi mắt xanh ấy.
Bây giờ sợi dây vàng kết nối đã đứt,
Và hy vọng của chúng ta cũng tan tành như lời nói dối.[3]

Bài hát bi thương này nói về cái chết của người con trai yêu quý của một gia đình trong cuộc nội chiến ở Mỹ sáng tác vào dịp Lễ Tạ ơn. Nghệ sĩ đã lấy tiêu

[2] https://matca.vn/en/nhung-vet-tich-con-lai-cua-president-hotel/
[3] Lyrics of Vacant Chair song can be accessed in this website http://www.civilwarpoetry.org/union/songs/chair.html

đề của bài hát làm tựa đề cho tác phẩm của mình nhưng anh đặt nó trong bối cảnh chính trị và xã hội của riêng. Anh đã lắp ráp các đồ vật tìm thấy liên quan đến ký ức chiến tranh kết hợp với hiệu ứng âm thanh để xây dựng một tác phẩm sắp đặt mang nhiều lớp nghĩa nhằm diễn tả nỗi đau chung mà con người phải đối mặt trong chiến tranh, đó là sự mất mát và cái chết mà những cuộc chiến tranh đã gây ra cho gia đình và người thân của những người trong cuộc. Tác phẩm nhắc nhở chúng ta hậu quả của chiến tranh khủng khiếp như thế nào đối với những người bị bỏ lại phía sau, cho dù họ ở đâu. Trong khi Bàng Nhất Linh quan tâm đến các chất liệu và đồ vật từ thời văn hóa thịnh hành thì Trương Công Tùng tìm kiếm những tàn tích còn lại của không gian vật thể ở khu đô thị Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong video của mình, *Chân dung một biểu tượng dần vẹo vọ. Mất và Thấy*, nghệ sĩ khám phá kiến trúc đô thị như một tiến trình đang hoàn thiện. Video này là một phần trong dự án quy mô lớn của anh ấy có tên '*Một nơi khác bên kia sông*'. Quan tâm đến huyền thoại đô thị, anh khám phá khu vực này, từ từ tiết lộ cách khu vực này đã được sử dụng và đáp ứng với sự chuyển dịch của xã hội. Qua các áp phích tuyên truyền gần như bị bỏ mặc, rách tả tơi ở khu vực bị bỏ hoang, video tạo ra một nghịch lý giữa bên trong và bên ngoài khu vực thành phố, thể hiện thực tế của cảnh quan đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự tuyệt vọng và sự phản kháng được thể hiện một cách rõ ràng trong tác phẩm sâu sắc của nghệ sĩ Đỉnh Q. Lê có tựa đề *Trôi trong đêm đen*. Đối mặt với những kí ức bấp bênh của một người tị nạn, tác phẩm điêu khắc ba chiều này phản ánh trải nghiệm cá nhân của anh ấy với tư cách là một trong những thuyền nhân di cư khỏi Việt Nam trong chiến tranh và thể hiện một cách tinh tế sự đồng cảm của anh với cuộc di cư tị nạn từ châu Phi và Trung Đông đến Nam Âu gần đây. Đỉnh rời Hà Tiên vào những năm 1970, khi người Khmer Đỏ xâm chiếm làng của anh, anh trôi dạt đến miền nam Thái Lan và cuối cùng định cư ở Los Angeles. Anh trở lại Thành phố Hồ Chí Minh vào những năm 1990 và từ từ hòa nhập vào cộng đồng nghệ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng và các tổ chức nghệ thuật như Sàn Art. Tác phẩm này như một phép ẩn dụ về các vấn đề của xã hội đương đại và mối quan tâm không ngừng của anh về tình trạng di cư tị nạn ở những nơi khác trên thế giới. Về kĩ thuật sáng tác, anh đã áp dụng phương thức in kỹ thuật số trên giấy tre Awagami, cắt la-de và đan vào sợi mây với những bức ảnh của những người tị nạn từ châu Phi và Trung Đông trôi dạt trong bóng đêm với nhiều hy vọng và sự sợ hãi cũng

như tâm trạng của những người di dân thời kì chiến tranh chống Mỹ mà chính anh đã trải qua.

Buổi trưng bày sẽ từ từ hé lộ những tầng phức tạp của lịch sử nghệ thuật trong bối cảnh xã hội. Mặc dù buổi trưng bày không có ý định sắp xếp theo trình tự thời gian, nhưng ở một số thời điểm, điều này dường như không thể tránh khỏi. Tôi hy vọng rằng sự kết hợp của các nghệ sĩ quân đội với các nghệ sĩ đương đại trong buổi trưng bày này sẽ giúp mọi người hiểu thêm về lịch sử nghệ thuật trong bối cảnh xã hội được sản sinh ra ở đất nước này qua các thời kỳ. Các nghệ sĩ đã và đang tiếp tục đóng những vai trò quan trọng trong xã hội, cả trong và sau chiến tranh. Và họ sẽ tiếp tục là tấm gương, người ghi lại và dõi theo xã hội của chúng ta.

Gridthiya Gaweewong
Bangkok, 19 March 2021

CHAPTER 1

Phạm Thanh Tâm
War Sketch 4
17 x 11.5 cm

Kí hoạ chiến tranh 4
17 x 11.5 cm

Phạm Thanh Tâm
War Sketch 5
29 x 21 cm

War Sketch 5
29 x 21 cm

Phạm Thanh Tâm
War Sketch 131
1975
29 x 21 cm

Kí hoạ chiến tranh 131
1975
29 x 21 cm

Vương Duy Khoái
Rice field
2004
Gouache on print paper
40 x 60 cm

Phong cảnh cánh đồng Tây Tựu
2004
Bột màu trên giấy in
40 x 60 cm

WAR SKETCHES
Chu Thảo

Portrait of a soldier from 8th Division - Comrade Ho Si Que
1969
27 x 20 cm

Chân dung chiến sĩ quân khu 8 - Đồng chí Hồ Sĩ Quế
1969
27 x 20 cm

Comrade Ho Si Que
Group 615 Truong Son

Đồng chí Hồ Sĩ Quế
Đoàn 615 Trường Sơn

Liberation army soldier from Ede ethnic group
1969
27 x 19.5 cm

Liberation army soldier from Ede ethnic group Chiến sĩ quân giải phóng người dân tộc Ê Đê
1969
27 x 19.5 cm

Comrade Lam Hoang
Group 671 Truong Son

Đồng chí Lâm Hoàng
Đoàn 671 Trường Sơn

Comrade Dieu Tam
1969
27 x 20 cm

Đồng chí Điểu Tâm
1969
27 x 20 cm

Comrade Dieu Tam.
Regiment 671 Truong Son.

Đồng chí Điểu Tâm.
Đoàn 671 Trường Sơn.

Soldier of Delta Division - Comrade Mao Sy Cuoc
1973
27 x 19.5 cm

Chiến sĩ đoàn Đồng Bằng - Đồng chí Mao Sỹ Cuộc
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Mao Sy Cuoc.
Soldier emulation for Military Region II in 1972.
88th Regiment Infantry Assault Soldiers.
Twice to the South, twice completing his duties

Đồng chí Mao Sỹ Cuộc.
Chiến sĩ thi đua Quân khu II năm 1972.
Chiến sĩ xung kích bộ binh Trung đoàn 88.
Hai lần vào Nam, hai lần hoàn thành nhiệm vụ.

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Phan Xuan Hoa
1973
27 x 19.5 cm

Chân dung chiến sĩ quân giải phóng - Đồng chí Phan Xuân Hòa
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Phan Xuan Hoa.
Soldiers emulation Military Region II in 1973.
A ship-fighter on Duong Van Duong canal.
Liberation Victory Medal 3.

Đồng chí Phan Xuân Hòa.
Chiến sĩ thi đua Quân khu II năm 1973.
Dũng sĩ đánh tàu trên kênh Dương Văn Dương.
Huân chương chiến công giải phóng hạng 3.

Soldier of Mekong Division
1973
27 x 19.5 cm

Chân dung chiến sĩ quân giải phóng ở Đồng bằng sông Cửu Long
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Luong Van Minh, an emulation soldier in Military Region II in 1973.
88th Regiment Infantry Assault Soldier.

Đồng chí Lương Văn Minh, chiến sỹ thi đua Quân khu II năm 1973.
Chiến sĩ xung kích bộ binh Trung đoàn 88.

Dong chi Trieu Xuan Hiep
1973
27 x 19.5 cm

Đồng chí tư lệnh Xuân Hiệp
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Commander Xuan Hiep. Emulation soldier of Military Region II 73.
Alone bravely detonated 2 ammunition depots Binh Duc and Tran My Chanh, destroyed 250,000 tons of enemy bombs, destroyed 117 American Wei and destroyed 4 enemy vehicles and hundreds of houses.
Awarded the Medal of Liberation.

Đồng chí tư lệnh Xuân Hiệp. Chiến sĩ thi đua Quân khu II 73.
Một mình mưu trí dũng cảm đánh nổ 2 kho đạn Bình Đức và Trần Mỹ Chánh, phá hủy 250,000 tấn bom đạn của địch, diệt 117 tên Mỹ Ngụy và phá hủy 4 xe và hàng trăm căn nhà của địch.
Được thưởng huy chương chiến công giải phóng.

Portrait of a soldier from 8th division - Comrade Ha Van Cau
1973
27 x 19.5 cm

Chân dung bộ đội khu 8 - Đồng chí Hà Văn Cầu
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Ha Van Cau, an emulation soldier in Military Region II, 1973.
Army assault soldier 88.
Excellent AK gunner.

Đồng chí Hà Văn Cầu, chiến sỹ thi đua Quân khu II 1973.
Chiến sĩ xung kích Đoàn 88.
Fáo thủ AK xuất sắc.

Military post soldier
1973
27 x 20 cm

Lính binh trạm
1973
27 x 20 cm

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Son
1974
29 x 21 cm

Chân dung chiến sĩ quân giải phóng - Đồng chí Sơn
1974
29 x 21 cm

Comrade Son, the brave B40 gunner.
Union 207 Mekong Delta.

Đồng chí Sơn, xạ thủ B40 dũng cảm.
Đoàn 207 Đồng bằng Sông Cửu Long.

Portrait of a doctor, hero of the South Vietnamese Liberation Army
1973
31 x 24 cm

Chân dung bác sĩ, anh hùng quân giải phóng miền Nam
1973
31 x 24 cm

Doctor Hoai Nam.
Hero of the Liberation Army.
Loc Ninh 1973.

Bác sĩ Hoài Nam.
Anh hùng Quân giải phóng.
Lộc Ninh 1973.

First class private Dau
1974
22 x 14.5 cm

Binh nhất Dậu
1974
22 x 14.5 cm

Mr. Dau.
Ethnic Tày.
South West Liberation Army.

A Dậu.
Dân tộc Tày.
Quân giải phóng Tây Nam Bộ.

A Liberation Army soldier
1974
27 x 20 cm

Chiến sĩ quân giải phóng
1974
27 x 20 cm

Comrade Nguyen Huu Ky.
The title of the cannon eyes of Quang Tri citadel.

Đồng chí Nguyễn Hữu Kỳ.
Danh hiệu đôi mắt pháo thành Quảng trị.

Soldier of Delta Division - Comrade Dao Van Hoc
1973
27 x 19.5 cm

Chiến sĩ đoàn Đồng Bằng - Đồng chí Đào Văn Học
1973
27 x 19.5 cm

Comrade Dao Van Hoc.
Emulation soldier of Military Region II 1973.
Motor vehicle hero driver, 302th Division.

Đồng chí Đào Văn Học.
Chiến sỹ thi đua Quân khu II 1973.
Dũng sĩ đánh xe cơ giới Trung đoàn 302.

Portrait of a young soldier
1973
26 x 19 cm

Chân dung người lính trẻ
1973
26 x 19 cm

Minority liberation army soldier
1974
27 x 20 cm

Chiến sĩ quân giải phóng người dân tộc
1974
27 x 20 cm

Comrade Are, member of Dac Ui commune, district 16, KonTum.

Đồng chí Are, đại biểu xã Đắc Ui, huyện 16, Kon-Tum.

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Truong Quang Tho
1973
31.5 x 24 cm

Chân dung anh hùng quân giải phóng - Đồng chí Trường Quang Thọ
1973
31.5 x 24 cm

Comrade Truong Quang Tho.
Hero of the Revolution.
Quang Tri province.

Đồng chí Trường Quang Thọ.
Anh hùng Cách Mạng.
Tỉnh Quảng Trị

Portrait of a Liberation Army soldier in Mekong Delta
1974
32 x 24 cm

Chân dung chiến sĩ quân giải phóng ở Đồng bằng sông Cửu Long
1974
32 x 24 cm

Comrade Hoang Van Mui, the brave B41 gunner.
Union 207, Mekong Delta.

Đồng chí Hoàng Văn Mùi, xạ thủ B41 dũng cảm.
Đoàn 207, Đồng bằng Sông Cửu Long.

Portrait of a liberation army soldier from Cambodia
1971
30.5 x 23.5 cm

Chân dung một người lính quân giải phóng Căm pu chia
1971
30.5 x 23.5 cm

LanPaChia 10/1976.
Chiem Ly, The Khmer Liberation Army.

LănPaChia, tháng 10/1976.
Chiêm Ly, Quân giải phóng Khơ Me.

Ambush on the battlefield
1974
24 x 32 cm

Phục kích trên trận địa
1974
24 x 32 cm

Comrade Nguyen Ben, the Cuu Long delegation, was an excellent staunch gunner in the Cai So battle_ Kien Phong.

Đồng chí Nguyễn Bền, đoàn Cửu Long, xạ thủ trung kiên xuất sắc trong trận Cái Sơ _ Kiến Phong.

Southern aunty
1973
23 x 15.5 cm

Bà má Nam Bộ
1973
23 x 15.5 cm

Mom Ba

Má 3

Portrait of Mr. Bay
1973
19 x 13.5 cm

Chân dung ông Bảy (Lộc Tấn)
1973
19 x 13.5 cm

Memory drawing Uncle Tu in Loc Tan.

Vẽ kỷ niệm bác Tư những ngày ở Lộc Tấn.

A young girl in Loc Tan
1973
24 x 17.5 cm

Cháu bé ở Lộc Tấn
1973
24 x 17.5 cm

Girl named Tran Le Thanh.
Loc Tan Jul. 73.

Cháu Trần Lê Thanh.
Lộc Tấn 7.73.

Comrade Fao
1973
27 x 19.5 cm

Đồng chí Fáo
1973
27 x 19.5 cm

Ut Van, Gunners number 1, mortar 82.
Comrade Fao soldier, 1st Battalion, Dong Khoi Regiment, Ben Tre province.
Soldier emulation military zone II 1973.

Út Vân, Fáo thủ số 1, cối 82. Đồng chí Fáo binh Tiểu đoàn 1, Trung đoàn Đồng Khởi, tỉnh Bến Tre.
Chiến sỹ thi đua quân khu II 1973.

Aunt Nam, Mum Hai
1974
21 x 29 cm

Thím Năm, Má Hai
1974
21 x 29 cm

Aunt Nam, Mum Hai, mothers of soldiers who were devoted to the revolution.
Selling land to raise troops.
Sam Bua Ward, K.Tuong District

Thím Năm, Má Hai, những người mẹ bộ đội hết lòng với cách mạng.
Bán đất nuôi quân.
Ấp Săm Bua, K.Tường.

Gunner B40
1974
21 x 29 cm

Xạ thủ B40
1974
21 x 29 cm

Nguyen Dinh Chan, gunner B40.
Liberation Victory Medal 3.

Nguyễn Đình Chấn, xạ thủ B40.
Huân chương chiến công giải phóng hạng 3.

Soldier communicating on the battlefield
1974
20.5 x 29 cm

Chiến sĩ liên lạc trên trận địa,
1974
20.5 x 29 cm

Comrade Nguyen Xuan Loan.
Air Force PRC 25 of D2.207.
Cuu Long Legion.

Đồng chí Nguyễn Xuân Loan.
Không đoàn PRC 25 của D2. 207.

Gunner on the delta
1974
21 x 29 cm

Xạ thủ cối trên đồng bằng
1974
21 x 29 cm

Shooting Manual Mode.

Bắn ứng dụng.

Portrait of Uncle Tú
1974
26 x 19 cm

Chân dung bác Tú
1974
26 x 19 cm

Uncle Tu, Phuoc Xuyen Canal.
KPhong. 9-year soldier.

Bác Tú, kênh Phước Xuyên.
KPhong. Bộ đội 9 năm.

Portrait of a Cambodian man in Prey Veng
1974
31 x 23 cm

Chân dung một người lính quân giải phóng Căm pu chia
1974
31 x 23 cm

Ta Soi.
Pray Veng, Cambodia.

Tà Soi
Pray Veng, Campuchia.

A break moment in the base
1978
13 x 20 cm

Shed in the woods
1972
18 x 26 cm

Lán trong rừng
1972
18 x 26 cm

Truong Son soldier 2
1974
24 x 31.5 cm

Bộ đội Trường Sơn 2
1974
24 x 31.5 cm

Comrade Nguyen The Thong, gunner B40.
Intellectual, brave. Cuu Long Legion, Dong Thap Province.

Đồng chí Nguyễn Thế Thông, xạ thủ B40.
Mưu trí, dũng cảm. Đoàn Cửu Long, Đồng Tháp.

WAR SKETCHES
Phạm Thanh Tâm

War Sketch 22
1975
29 x 21 cm

Kí hoạ chiến tranh 22
1975
29 x 21 cm

War Sketch 21
1963
18 x 13 cm

Kí hoạ chiến tranh 21
1963
18 x 13 cm

War Sketch 96
19 x 14 cm

Kí hoạ chiến tranh 96
19 x 14 cm

War Sketch 64
21 x 16.5 cm

Kí hoạ chiến tranh 64
21 x 16.5 cm

War Sketch 53
13.5 x 9.5 cm

Kí hoạ chiến tranh 53
13.5 x 9.5 cm

War Sketch 123
13 x 9 cm

Kí hoạ chiến tranh 123
13 x 9 cm

War Sketch 38
27 x 21 cm

Kí hoạ chiến tranh 38
27 x 21 cm

War sketch 55
15 x 13.5 cm

Kí hoạ chiến tranh 55
15 x 13.5 cm

War Sketch 6
1978
24 x 40 cm

Kí hoạ chiến tranh 6
1978
24 x 40 cm

War Sketch 58
1978
20 x 35 cm

Kí hoạ chiến tranh 58
1978
20 x 35 cm

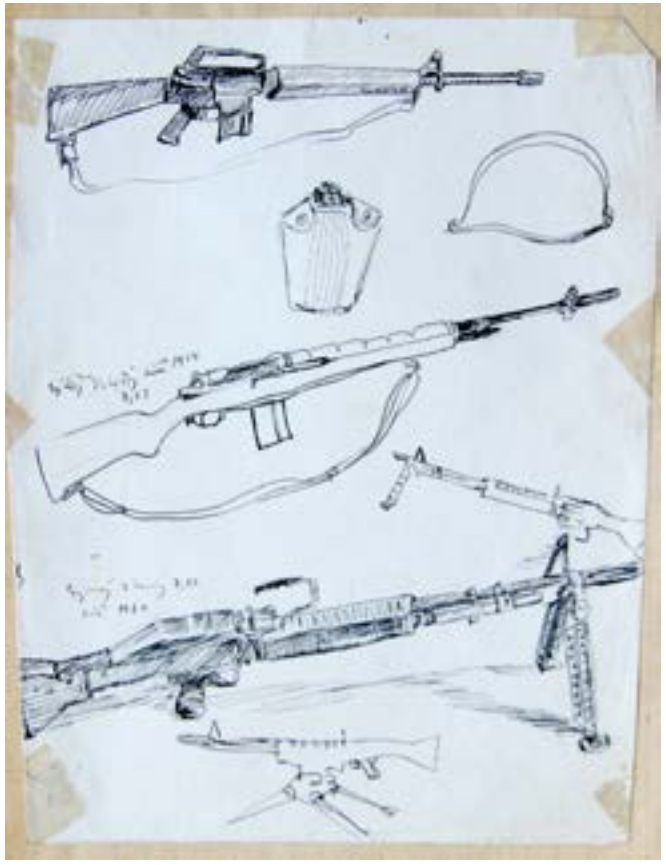

War Sketch 36
19.5 x 15.5 cm

Kí hoạ chiến tranh 36
19.5 x 15.5 cm

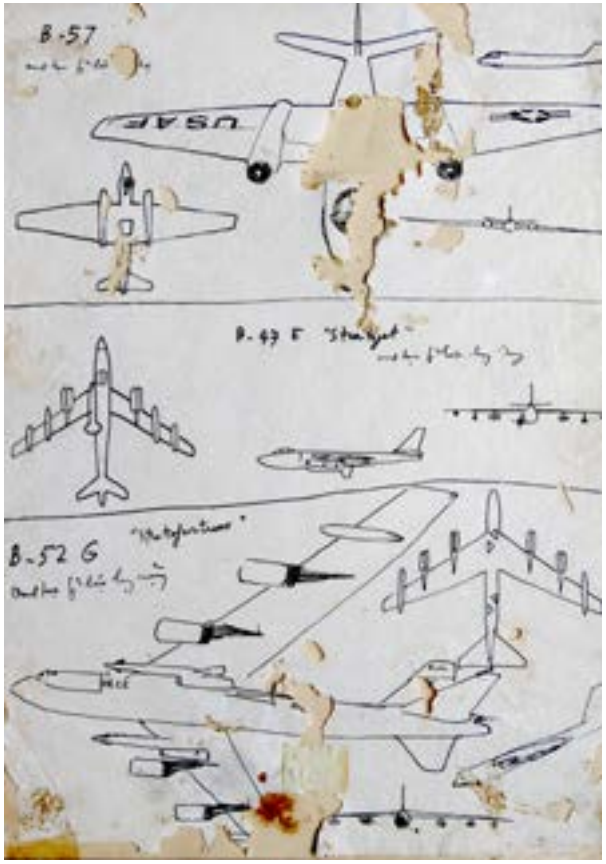

War Sketch 35
27 x 21 cm

Kí hoạ chiến tranh 35
27 x 21 cm

War Sketch 40
27 x 21 cm

Kí hoạ chiến tranh 40
27 x 21 cm

War Sketch 31
24 x 19 cm

Kí hoạ chiến tranh 31
24 x 19 cm

Võ An Khánh
Extra-curriculum Political Science Class 7/1972
2010
Archival pigment inkjet print
56 x 40 cm

Lớp bồi dưỡng Chính trị 7/1972
2010
Ảnh in phun bằng mực sắc tố dùng trong lưu trữ
56 x 40 cm

In Extra-curriculum Political Science Class 7/1972, a group of women walk bare-foot and in single file along a wooden plank bridge in the middle of Dat Mui Mangrove in Nam Can, Ca Mau Province. Each of these women wear a white head cloth, eerily cut out with holes for their eyes to see. The reason for this headdress was that these women were undertaking Extra-Curriculum Political Science Class, called back from their posts living and working with the enemy. These classes took place in the mangrove swamp in makeshift wooden huts where they would learn more of the political points of view of their forces and the changes in military situations across the country. Most of these 'students' were women and keeping their identities unknown to each other was a security measure. During class sessions, each woman would live alone in a small tent. (Text courtesy of Sàn Art)

Trong bức ảnh Lớp học Chính trị Bổ túc tháng 7/1972, một nhóm những người phụ nữ chân trần đi thành một hàng trên cây cầu gỗ giữa rừng đước ngập mặn đất mũi ở Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Trên đầu mỗi người phụ nữ đội một cái mũ trùm kín mặt màu trắng kỳ quái, chỉ khoét hai lỗ nơi mắt để nhìn. Họ phải đội những chiếc mũ trùm đầu này vì đây là những người đang đi học Lớp Chính trị Bổ túc, sau khi nhận lệnh triệu hồi từ chỗ nằm vùng nơi họ sống và làm việc bên cạnh kẻ địch. Các lớp học này diễn ra trong rừng đước ngập mặn trong các chòi gỗ tạm bợ, nơi họ được học về quan điểm chính trị của lực lượng cộng sản cũng như những chuyển biến trong tình hình quân đội cả nước. Đa phần các 'học viên' đều là nữ và việc giữ kín danh tính là vấn đề tối quan trọng. Trong thời gian đi học, mỗi người được phân một căn lều nhỏ để sinh sống. (Phần miêu tả của Sàn Art)

In the photograph, Mobile Military Medical Clinic 9/1970, a stretcher with an injured solder is being carried through swamp land towards a make-shift operation table where women knee-deep in muddy water, replete with face masks and medical clothing, carefully prepare their metal instruments beneath a netted canopy. When Doug Niven, curator of 'Another Vietnam: Pictures of the War from the Other Side' 2002, first saw this image, he had to double check that this scene was not staged, the setting appearing as if it had been choreographed. But this is the wonder of Võ An Khánh and his ability to capture a scene in its incongruity, the theatricality of light and his uncanny skill in holding the pose of the subject being one of the most consistent features in this particular body of work. (Text courtesy of Sàn Art)

Trong bức ảnh Lán Y tế Quân đội Di động tháng 9/1979, một người lính bị thương đang được khiêng trên cáng qua vùng đầm lầy để đến một bàn mổ ghép tạm, nơi các nữ y sĩ đứng trong bùn ngập đến đầu gối, khẩu trang và đồ bảo hộ kín mít, đang cẩn thận chuẩn bị dụng cụ y tế dưới một tấm màn che. Lần đầu khi nhìn thấy bức ảnh này, Doug Niven, giám tuyển của triển lãm 'Một Việt Nam khác: Thước ảnh chiến tranh nhìn từ bên kia chiến tuyến', đã phải kiểm tra lại để chắc chắn rằng đây không phải là một khung cảnh được dàn dựng. Tuy nhiên, đó chính là điều kỳ diệu trong khả năng nắm bắt cảnh vật một cách hài hoà của Võ An Khánh: từ cách chọn góc sáng đậm chất kịch nghệ cho tới cách phối ngẫu tư thế của người trong ảnh, tất cả đều là những điểm nhận dạng tạo nên nét tiêu biểu cho bộ ảnh này. (Phần miêu tả của Sàn Art)

Võ An Khánh
Mobile Military Medical Clinic 9/1970
2010
Archival pigment inkjet print
59 x 40 cm

Lán Y tế Quân đội Di động tháng 9/1970
2010
Ảnh in phun bằng mực sắc tố dùng trong lưu trữ
59 x 40 cm

The Propeller Group
AK-47 vs. M16
2015
Fragments of AK-47 and M16 bullets, ballistics gel, custom vitrine and digital video
137 x 64 x 37 cm

AK-47 vs. M16
2015
Fragments of AK-47 and M16 bullets, ballistics gel, custom vitrine and digital video
137 x 64 x 37 cm

The concept behind this work is unique: There have been only a few instances in the history of modern warfare in which bullets from opposing militaries have collided on the battlefield and merged into a single object. This object fuses two projectiles aimed with the intention of killing the enemy, but joined in mid-air under miraculous odds. In short, The Propeller Group seeks to isolate icons of destruction from both sides of the Cold War, an AK-47 and an M16 assault rifle, and thus force the two sworn enemies into a philosophical dialogue. While the M16 was America's pride and joy and the symbol of 'freedom' throughout the wars fought during the second half of the twentieth century, the AK-47, also known as the Kalashnikov, was the weapon of choice for liberation, an icon of revolution, and of communism. Both assault rifles have been branded 'weapons of peace' by their corresponding nations. Gun enthusiasts to this day still continue to compare the advantages and weaknesses of their preferred guns. Ironically, those same guns still meet on today's battlefields. The AK-47 vs. The M16 is a series of performances where the rifles were aimed at each other in order to collide and fuse their bullets. The results are captured on ultra-highspeed video and in ballistics gel blocks, allowing the human eye to see the projectiles' flight path, the explosion, and the fusion. (Text courtesy of la Biennale di Venezia)

Ý tưởng đằng sau tác phẩm này có phần đặc biệt: trong lịch sử chinh chiến hiện đại, chỉ có duy nhất một vài trường hợp khi đầu đạn từ hai phe đối nghịch va chạm vào nhau trên chiến trường và kết dính thành một khối. Vật thể này là tổng hòa của hai đầu đạn vốn được ngắm bắn với mục đích sát thương, nhưng bằng cách thần kỳ hiếm hoi nào đó lại quyện vào nhau giữa không trung. Nói ngắn gọn hơn, nhóm Propeller muốn lựa ra hai biểu tượng huỷ diệt từ hai phe trong Chiến tranh lạnh, súng trường AK-47 và M16, và ép hai kẻ tử thù này tham gia vào một cuộc đối thoại triết học với nhau. Trong khi khẩu M16 là niềm tự hào của nước Mỹ, biểu tượng của 'tự do' trong suốt các cuộc chiến nửa sau thế kỷ 20, khẩu AK-47 (còn gọi là khẩu Kalashnikov) lại là vũ khí ưu ái cho giải phóng quân, hình tượng của cách mạng, và phong trào cộng sản. Cả hai khẩu đều được các quốc gia ở hai phe đặt cho danh hiệu 'vũ khí vì hoà bình'. Những người đam mê súng đạn đến giờ này vẫn tiếp tục cân đo so sánh điểm mạnh điểm nhược của hai loại súng này. Mỉa mai thay, hai khẩu súng ấy vẫn tiếp tục chạm trán nhau trên các mặt trận quân sự bây giờ. Sê-ri AK-47 vs. The M16 là một chuỗi các trình diễn nơi hai khẩu súng được đặt ngắm vào nhau, với mục đích để các viên đạn của chúng va chạm và hoà quyện. Kết quả được thu lại trên video siêu tốc cực đại trong những khối thạch ứng động, cho phép mắt thường nhìn thấy đường đi của các đầu đạn, cú nổ va chạm, và quá trình hoà quyện sau đó. (Phần miêu tả của la Biennale di Venezia)

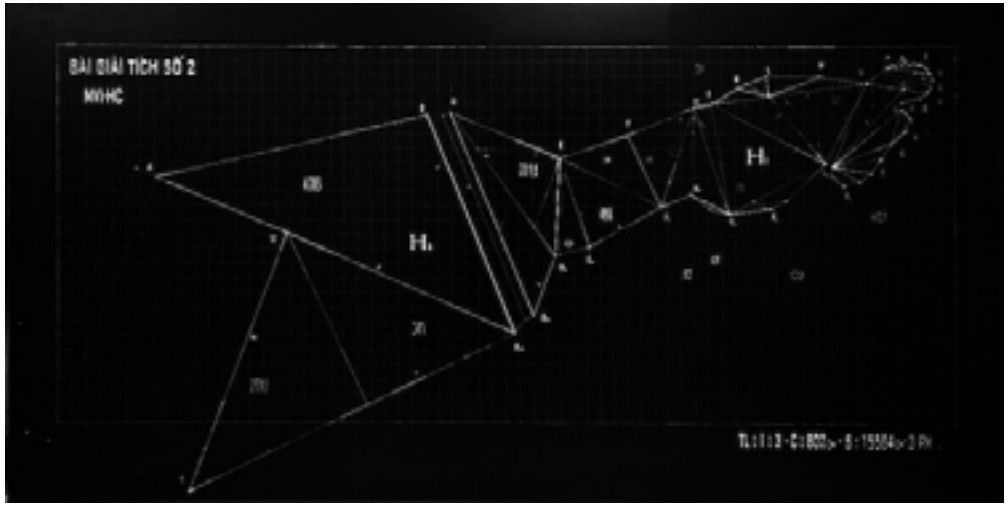

Nguyễn Huy An
Study of The Fluctuation of a Shadow
2014
Blackboard panels and paint
360 x 220 cm

Chiêm nghiệm dao động của cái bóng
2014
Bảng đen và màu vẽ
360 x 220 cm

This piece is inspired by the undeniable significance of Lenin as a political figure in the history of the country and specifically in Hanoi. The large, 3pm shadow cast by the East-facing Statue of Lenin in Hanoi, acts as a direct reference to the influence of this political thinker on the land of Vietnam. Measured during the spring equinox, the shadow exists as an entity out of the interaction between the natural (the sun and the spinning earth) and the unnatural (the concrete form of the statue). Working with a mathematician to determine the area of Lenin's shadow at different times of the day and consolidated into a mathematical equation, Huy An reflects on the way our logic, ideals, and world views have always been contained and impacted by natural forces beyond our control. (Text courtesy of the artist and 14th Istanbul Biennial)

Tác phẩm này lấy cảm hứng từ vị trí quan trọng không thể phủ nhận của Lê nin như một hình tượng chính trị trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội. Cái bóng đổ lúc 3 giờ chiều của tượng đài Lê nin đặt theo hướng Đông ở Hà Nội, đóng vai trò chỉ dụ về tầm ảnh hưởng chính trị của nhà lãnh đạo này trên đất nước Việt Nam. Được đo trong khoảng xuân phân, cái bóng tồn tại như một thực thể sinh ra giữ tương tác của cái tự nhiên (mặt trời và trái đất đang quay) với cái phi tự nhiên (hình khối bê tông của tượng đài). Cộng tác với một nhà toán học để xác định diện tích cái bóng của Lê nin ở các thời điểm khác nhau trong ngày và tổng hợp nên một công thức tính toán, Huy An chiêm nghiệm về cách lô-gíc, ý tưởng, và nhãn quan của chúng ta vẫn luôn chịu ảnh hưởng gò bó của những thế lực tự nhiên trên cơ kiểm soát. (Phần miêu tả của nghệ sĩ trong Istanbul Biennial lần thứ 14)

Nguyễn Huy An
A Ă Â ...
2014
29 glass wooden boxes, outdoor wall and paint
12 x 32 x 7 cm each

A Ă Â ...
2014
29 hộp gỗ và thuỷ tinh, sơn tường và màu vẽ
32 x 12 x 7 cm mỗi hộp

A Ă Â ... is the collection of 29 alphabetical letters with 6 tones of Vietnamese script, carefully extracted from the propaganda slogans drawn on the walls in villages. This act is a removal of word structure, bringing the letters back to its basic linguistic origin before they were used to construct a political meaning. Yet the letters still bear their historical traces on their surfaces. the slogans were left as a speech defected statements. The extracted letters travel to artist's studio, museum, storage room… (Text courtesy of the artist)

A Ă Â ... là bộ sưu tập 29 mẫu tự trong bảng chữ cái Việt Nam với sáu dấu âm, được bóc tách cẩn thận từ các khẩu hiệu cổ động vẽ trên tường trong các làng quê. Hành động này tháo rời cấu trúc ngôn từ, đưa các chữ cái trở về nguồn gốc ngôn ngữ nguyên bản trước khi người ta kết chúng lại để tạo nên thông điệp chính trị. Tuy vậy, các chữ cái này vẫn mang những dấu vết thời gian trên bề mặt, nơi những khẩu ngữ chỉ còn là những phát biểu lụn vụn rời rạc. Những con chữ không nhà cứ thế du hành qua studio của nghệ sĩ, bảo tàng, rồi phòng kho,… (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

Trâm Carin Lương
Marx.Weber.Hegel.Andme
2018
Installation of one channel video, stone and paper powder

Marx.Weber.Hegel.Vàtôi
2018
Sắp đặt video một kênh, đá, và bột giấy

(Re)present – (Re)member is a series of works created by artist Tram Carin Luong at A. Farm. The collection explores ideas of vision, recognition, and memories of historical forces that shape modern Vietnam. The artist works primarily with found objects in the city of Saigon – discarded philosophy books, damaged photographs, and wartime bullet shells – bringing them together to reflect on a rapidly changing society in the aftermath of conflict. The vantage point of the series is of a younger person urgently looking, although with immense impasses, for a history refracted by time, language, and different ways of seeing. Marx.Weber.Hegel.Andme zooms unabashedly on the artist's own body, as she reduces discarded books to a smattering of granular forms. In seeing the marks of time and human forgetfulness as aesthetic abstraction, the works locate the aftermath of war as a site of hope and beauty, instead of desperation.

The eclectic collection poses the question of how, as both spectators and actors of global events, can we make present again stories of those before us, to represent and to make them once again member of our common history. (Text courtesy of the artist)

(Re)present – (Re)member was part of the End of Season 1 show at A. Farm in May 2018, where Tram was a funded resident by the Nguyen Art Foundation.

(Re)present – (Re)member / Biểu (Tượng) – Hồi (Tưởng) là seri tác phẩm của nghệ sĩ Trâm Carin Lương ở A. Farm. Bộ tác phẩm bóc tách những ý niệm về cái nhìn, sự nhận diện, và ký ức về những thế lực nắn chỉnh dòng chảy lịch sử Việt Nam hiện đại. Nghệ sĩ chủ yếu sử dụng những đồ vật có sẵn mà cô bắt gặp ở Sài Gòn – những cuốn sách triết bỏ đi, những tấm ảnh hoen ố, và những vỏ đạn thời chiến – hòng phác hoạ bức tranh toàn cảnh của một xã hội hậu chiến đang thay đổi chóng mặt. Đằng sau seri là điểm nhìn của một người trẻ mải miết kiếm tìm, dù luôn đâm vào ngõ cụt, một lịch sử tán nhiễu dưới ảnh hưởng của thời gian, ngôn ngữ, và vô vàn cách nhìn khác nhau. Marx.Weber.Hegel.Vàtôi xoáy sâu một cách táo tợn vào cơ thể người nghệ sĩ trong lúc cô nghiền nát những cuốn sách bỏ đi thành bột. Thông qua việc nhận dạng những dấu ấn thời gian và coi sự lãng quên của con người như nét thẩm mỹ trừu tượng, tác phẩm phóng chiếu hình ảnh thời hậu chiến như một miền đất của cái đẹp và hy vọng, thay vì nỗi bi quan bế tắc.

Bộ tác phẩm chiết trung này đặt ra câu hỏi cho chúng ta, cả những người trực tiếp tham gia và những cá nhân đứng bên lề các sự kiện toàn cầu, rằng làm cách nào để ta có thể tái dựng câu chuyện của tiền nhân, hòng tái hiện và biến họ trở thành một phần của lịch sử chung nhân loại. (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

(Re)present – (Re)member / Biểu (Tượng) – Hồi (Tưởng) là một phần của Triển lãm Cuối Mùa 1 tại A. Farm vào tháng Năm 2018 (Trâm là nghệ sĩ lưu trú do The Nguyễn Art Foundation tài trợ).

Lê Quý Tông
B29 Plane
2011
Oil on canvas
130 x 250 cm

Máy bay B29
2011
Sơn dầu trên toan
130 x 250 cm

Laurent Weyl
Window #1 (President Hotel)
2017
Hahnemühle baryta p315 grs
50 x 75 cm

Ô Cửa Sổ #1 (Khách sạn President)
2017
In trên giấy Hahnemühle baryta p315 grs
50 x 75 cm

The letterboxes on the entrance wall haven't received any post for a long time. Beneath a waning neon light and facing the fan, the concierge vaguely watches the comings and goings of the scooters in and out of the basement. The lift has vanished. The staircase is closed as it was threatening to collapse. But the building itself is still solid. Abandoned by the last inhabitants, the enormous building is slated for demolition.

Built in the mid-1960s in the centre of the old Saigon, the President Hotel was the tallest and grandest building in the city at the time. With thirteen storeys linked by long airy corridors and its rooftop pool, it stood out, solid and reassuring, during the Vietnam War. During the last years of the conflict, the US Army rented the building to house the soldiers of the YRBM-20 navy support force. The GIs enjoyed the comfort of a building that included a bar, restaurant and pool room.

After the liberation of Saigon on 30 April 1975, the President Hotel was turned into housing, offices and a school. In 1980, the People's Committee allocated two floors to the Radio and Television School. Many artists from the Vietnamese opera then came to the building to benefit from the technical equipment.

During the 1980s and 90s, when occupation of the building's apartments was at its height, there were over 600 families, numbering 2500 residents. The corridors - a blend of public and private space, as occurs everywhere in Vietnam – were a hum of communal life: stalls selling bun, miniature grocer's shops, cafés, pharmacies, telephones for use by the public, and so on. The building is a city within the city.

Since 2000, the building has not been maintained and the site, close to the city centre, is to be coveted. The President Hotel will be demolished. It emptied slowly but surely. Today no one lives in it anymore. Everywhere in the abandoned apartments, a hotchpotch of planks and stripped-down pieces of furniture do battle with dirty, ripped mattresses. In this room with broken windows, the altar devoted to the ancestors has been removed along with photographs and offering bowls, leaving the pot filled with sand and half-used joss sticks on the shelf. An empty, open suitcase was left on the floor by the occupants who left in a hurry.

This witness to the last half century of Vietnamese history, this decaying architectural carcass, will soon be destroyed to make room for new projects, thus turning and erasing a page of History. Time runs layer after layer in this building.

These dilapidated walls hold signs of past lives, visually inspiring memories, moods and emotions. The fragments of the last inhabitants' lives seem frozen in time and yet, in the hallways, shadows play games, re-animating the past. (Text by Sabrina Rouille)

Laurent Weyl
Perspective #2
(President Hotel)
2017
Hahnemühle baryta 315 grs
50 x 75 cm

Điểm nhìn #2
(Khách sạn President)
2017
In trên giấy Hahnemühle baryta p315 grs
50 x 75 cm

Những hòm thư trên bức tường nơi cửa ra vào đã từ lâu không còn thư tín. Dưới ánh đèn neon tù mù với cây quạt tốc vào mặt, người lễ tân uể oải ngắm những chiếc xe máy vào ra tầng hầm. Thang máy đã biến mất. Cầu thang đã bị bít lại vì sợ sập. Nhưng bản thân toà nhà vẫn đứng đó. Không còn cư dân sinh sống, toà nhà rộng lớn này thuộc diện sắp bị đập bỏ.

Xây vào khoảng giữa những năm 60 ở trung tâm đô thị Sài Gòn xưa, Khách sạn President là toà nhà cao lớn nhất trong thành phố lúc bấy giờ. Với mười ba tầng nối nhau bằng những hành lang dài thông thoáng và một hồ bơi trên nóc, nó đứng vững vàng như bàn thạch trong suốt thời gian chiến tranh. Trong những năm cuối của cuộc chiến, quân đội Hoa Kỳ đã cho thuê phòng trong khách sạn để phục vụ binh lính thuộc đơn vị hỗ trợ hải quân YRBM-20. Những người lính GI này tận hưởng cuộc sống dễ chịu trong khách sạn với quầy bar, nhà hàng, và phòng bơi lội.

Sau giải phóng miền Nam vào ngày 30/4/1975, Khách sạn President được cải tổ thành khu nhà ở, văn phòng, và trường học. Vào năm 1980, Uỷ ban Nhân dân dành hai tầng trong khách sạn cho Trường Cao đẳng Phát thanh Truyền hình. Rất nhiều nghệ sĩ cải lương đã đến thu âm trong khách sạn để tận dụng kỹ thuật công nghệ mới.
Trong những năm 80 và 90, dân số tòa nhà chạm ngưỡng đỉnh điểm, với 600 hộ dân và khoảng 2500 cư dân. Các dãy hành lang – tổng hòa giữa không gian riêng tư và công cộng, như mọi nơi khác trên đất nước – vẽ nên diện mạo đời sống tập thể: những gánh bún, quầy tạp hoá thực phẩm, tiệm cà phê, tiệm thuốc, bàn điện thoại công cộng, và nhiều nữa. Toà nhà trở thành một đô thị trong lòng đô thị.

Từ năm 2000, toà nhà rơi vào hoang phế và rơi vào tầm ngắm của nhiều người do vị trí trung tâm đắc địa. Người ta chính thức lên kế hoạch đập bỏ Khách sạn President. Các cư dân lần lượt rời đi, để lại tòa nhà trống vắng hiện nay. Bên trong các căn hộ bỏ không, ta có thể tìm thấy một mớ hổ lốn đồ nội thất cũ mòn và những tấm đệm rách nát ố bẩn. Trong một phòng với cửa sổ nứt vỡ, bàn thờ gia tiên đã bị tháo dỡ cùng với di ảnh và mâm quả, chỉ còn lại bát hương đầy tro và một vài que hương cháy dở. Một chiếc va li há miệng trống ngoác trên sàn do gia chủ vội vã rời đi mà bỏ lại.

Một chứng nhân cho lịch sử nửa sau thế kỷ 20 của Việt Nam, khối kiến trúc đang mục ruỗng này sẽ sớm bị phá huỷ để dành chỗ cho các dự án phát triển mới, tẩy xoá một lịch sử và lật sang trang mới. Những lớp thời gian cứ thế chất chồng bên trong tòa nhà.

Những bức tường vụn vỡ này lưu giữ những dấu vết sinh hoạt trong quá khứ, những chỉ báo thị giác gợi ta nhớ về những ký ức, tâm trạng, xúc cảm. Những mảnh vụn cuộc đời của những cư dân cuối cùng dường như đông cứng trong thời gian, trong khi, trong hành lang, bóng tối chơi trò đuổi bắt, tái hiện lại cảnh xưa. (Phần miêu tả của Sabrina Rouille)

Nguyễn Quốc Chánh
Moulds and Models 1
2016
Ceramic and glaze
60 x 44 x 28 cm

Khuôn và Mẫu 1
2016
Gốm tráng men
60 x 44 x 28 cm

Attentive to the position of Biên Hoà ceramics in global and nationalist imaginings, Chánh writes in his artist's statement, "Rather than nostalgic reproductions or subcontracted production, I make use of local clay, glazes, and techniques to evoke Biên Hoà's eclectic tendencies blurring the boundaries between artisanal craft and art, between sentiment and concept."

For Nguyễn Quốc Chánh to align his latest series of ceramic sculptures with the idea of a 'Guerilla' mentality, is to place them firmly within Vietnamese history and cultural memory. To understand this process, just swap the image of a jungle soldier, living opportunistically within their environment and replace it with an artist whose materials are found and requisitioned. What emerges are assemblages that fuse multiple symbols, removing them of their positions in conventions that produce individual hegemonic meanings. At a glance, it seems chaotic, but the Guerrilla is always forced to deal in chaos until balance is reached. As Chánh himself suggests, balance is the mouse that skitters between conventional lines and the cat is yet to swallow it.

If the pieces tell a story, then it is one that transcends the confinements of genre and style. We can see that the moulds have diverse influences: folkloric symbols in Dong Ho woodcut paintings, the serene faces of The Bayon at Angkor Thom and Easter Island. Often, they are not made by Chánh himself, but were found – gathering dust in his adopted studio in Biên Hoà. In this way, the pieces proceed from multiple histories and are shaped by generations of artisans in different cultural and political contexts. In Chánh's Guerrilla operation, they now become material for new purposes, positioned alongside more contemporary symbols on a shared substrate: casts of credit cards, face moulds of football-playing children and images borrowed from the high relief facets of Ben Thanh Market. In collecting these tools, Chánh acts as a gatherer and a disruptor. The recognisable motifs must exist in relation to each other and are rendered unfamiliar in a state of disorder and uncertainty. A surreal and alluring effect is achieved. (Text courtesy of the artist)

Vốn nhận thức rõ những hình dung mường tượng về gốm Biên Hoà trong và ngoài nước, Chánh viết trong lời tựa cho tác phẩm, "Thay vì ôm ấp hoài niệm hay sản xuất theo đơn hàng, tôi chọn sử dụng đất sét, men, cũng như kỹ thuật địa phương để khơi gợi lại tâm thế 'chiết trung' của nghề gốm Biên Hoà, xoá nhoà ranh giới giữa mỹ nghệ và mỹ thuật, giữa xúc cảm và ý niệm."

Khi Nguyễn Quốc Chánh nhào nặn sê ri điêu khắc gốm mới đây của anh với tư tưởng 'Du kích', anh đã tạo ra vị thế vững chãi cho các tác phẩm của mình trong ký ức lịch sử và văn hoá Việt Nam. Để thấu hiểu quá trình này, ta hãy cứ hoán đổi hình ảnh một người lính ẩn náu trong rừng rậm chờ cơ hội với hình ảnh người hoạ sĩ tìm lượm và trưng dụng những chất liệu có sẵn trong tự nhiên. Sau cùng, quá trình đó vừa kết tụ các biểu tượng đa dạng, vừa tách rời chúng khỏi lớp nghĩa đơn điệu mà các thể chế tục lệ áp đặt lên chúng. Thoạt trông, trưng bày nhìn có vẻ hỗn độn, nhưng bất cứ người Lính du kích nào cũng buộc phải đối mặt với hỗn loạn trước khi chạm đến thế cân bằng. Như chính Chánh đã nói, cân bằng là con chuột vẫn chạy rúc rích giữa những lằn ranh định sẵn bởi con mèo vẫn còn chưa xơi tái nó.

Nếu những tác phẩm này có thể kể chuyện, thì câu chuyện đó hẳn sẽ vươn lên khỏi những tù túng bó hẹp của phong cách và thể loại. Ta có thể thấy tầm đa dạng ảnh hưởng trong các khuôn gốm: từ những biểu tượng dân gian trong tranh khắc gỗ Đông Hồ đến những khuôn mặt Phật Bayon hiển từ ở Angkor Thom và Đảo Phục Sinh. Chánh thường không tự làm ra những chiếc khuôn này; trái lại, anh tìm thấy chúng đang bám bụi trong studio đi thuê ở Biên Hoà. Theo cách này, các tác phẩm của anh cũng vay mượn từ muôn vàn lịch sử khác nhau, nhào nặn qua tay bao thế hệ nghệ nhân đến từ những bối cảnh văn hoá chính trị khác biệt. trong chiến dịch Du kích của Chánh, chúng trở thành vật liệu với đời sống mới, song hành cùng những ký hiệu đương đại trên cùng lớp chất nền: những khuôn đúc hình thẻ tín dụng hay hình đầu những đứa trẻ chơi đá banh, cũng những hình ảnh mượn từ các tấm phù điêu đắp nổi trên mặt tiền Chợ Bến Thành. Trong lúc thu thập các công cụ này, Chánh đóng vai trò một nhà sưu tầm lẫn một kẻ đả phá. Những mô-típ dễ nhận này tuy tồn tại liên đới nhưng lại đồng loạt biến thành xa lạ qua bàn tay của sự vô trật tự mơ hồ. Qua đó, nghệ sĩ đạt đến cảnh thức hiệu ứng nghệ thuật trừu tượng và lôi cuốn. (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

Nguyễn Quốc Chánh
Moulds and Models 2
2016
Ceramic and glaze
63 x 29 x 24 cm

Khuôn và Mẫu 2
2016
Gốm tráng men
63 x 29 x 24 cm

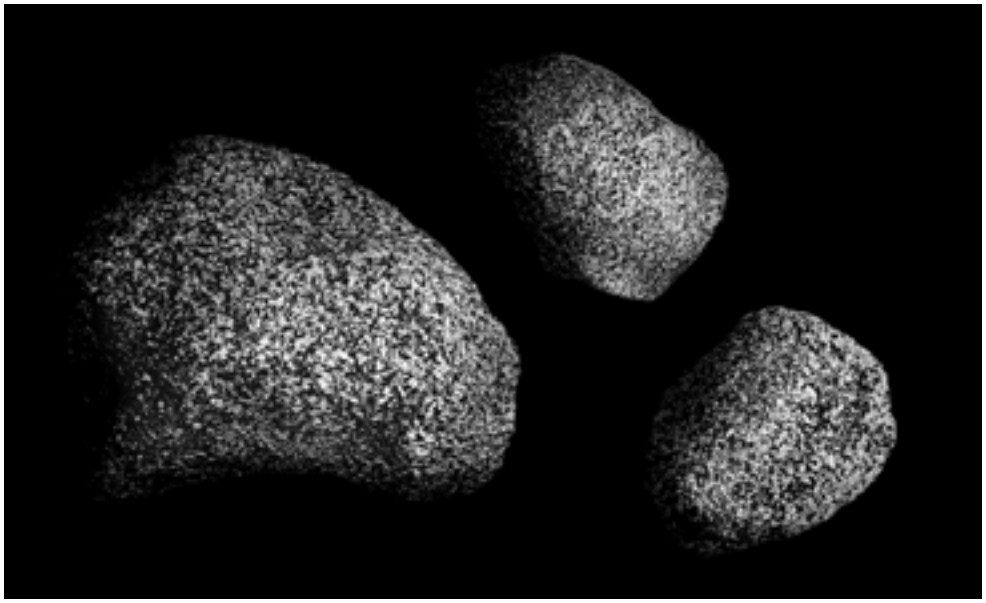

A drift in Darkness, an installation composed of amorphous three-dimensional sculptures, saw the artist explore rattan weaving for the very first time, featuring the recent refugee exodus from Africa and the Middle East into Southern Europe.

Đỉnh Q. Lê: "It takes reference from the images of people packed so tightly on a rickety old boat, floating in the middle of a dark ocean. As one who did the same to escape the harsh Vietnamese communist regime at the time, issues of this mass exodus and the fear and rejection of Europeans have been on my mind lately. I like to think that we are all sitting on a rock and floating in this dark universe. the faces are drawn from images of large group protests from all over the world. as the world's population grows larger, conflicts arise as more people cross territories. anger and hatred abound, but we all need to step back and take a look at where we are." (Text courtesy of the artist)

This work is mutual acquisition between Post Vidai and the Nguyen Art Foundation.

Đỉnh Q. Lê
A Drift in Darkness
2017
Digital Print Awagami bamboo paper, laser cut and weaved onto cane
118 x 102 x 90 cm

Trôi trong Đêm đen
2017
Ảnh in kỹ thuật số trên giấy tre Awagami, cắt la-de và đan vào sợi mây
118 x 102 x 90 cm

Trôi trong Đêm đen là một sắp đặt bao gồm những điêu khắc ba chiều vô định hình mà nghệ sĩ lần đầu thử nghiệm với kỹ thuật đan mây như lời dẫn về cuộc di dân mới từ Châu Phi và Trung Đông sang khu vực Nam Âu.

Theo lời nghệ sĩ Đỉnh Q. Lê: "Tác phẩm dựa trên hình ảnh những lớp người lèn chặt cứng vào trong một con tàu cũ kỹ ọp ẹp, trôi nổi giữa đại dương mù mịt. Ở vị thế một người từng trải qua hành trình tương tự để rời Việt Nam, những vấn đề di cư hàng loạt, nỗi sợ, và cảm giác bị dân Châu Âu từ chối luôn chiếm đầy tâm trí tôi. Tôi hay nghĩ rằng chúng ta đều đang ngồi trên một tảng đá bập bềnh trên vũ trụ tối đen. những khuôn mặt trong tác phẩm được lấy từ hình ảnh những đám đông biểu tình trên toàn thế giới. khi dân số bùng nổ, bạo động xung đột sẽ leo thang khắp nơi. Mặc dù sự thù ghét và cơn giận dữ lăm le xâm chiếm trí óc, chúng ta cần phải lùi lại và quan sát kỹ càng tình thế của mình." (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

Tác phẩm này đồng sở hữu bởi Post Vidai và The Nguyễn Art Foundation.

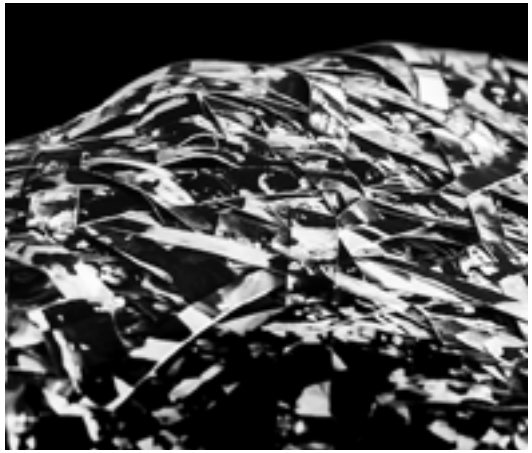

The Vacant Chair is a multi-layered video installation. It is an intimate narrative, where social issues derived from the modern history of a turbulent Vietnam are unveiled: the wounds, tolerance, optimism, as well as the special relationship amongst those who remain. From a broader angle, it suggests a universal sense of existence and death, particularly the limited nature of the human race… On the other hand, through the act of transforming a powerful symbol of war into a symbol of love and loss, the work steps out of its geographical context to tell a universal story of all humanity. The Vacant Chair, therefore, is a song of humanity, and for humanity…

The Vacant Chair is a popular song during the American Civil War written by George F. Root in 1861 based on a poem by Henry S. Washburn. The song signifies the loss and emptiness of those who lost their loved ones in the Civil War, it specially gained empathy from both the North and the South of the United States during the war. (Text courtesy of the artist)

Bàng Nhất Linh
The Vacant Chair
2013-2015
Installation

Chiếc Ghế Trống
2013-2015
Sắp đặt and Video

Chiếc Ghế Trống (The Vacant Chair) là một sắp đặt video đa lớp nghĩa. Nó là một lời tự sự thân mật, nơi bóc tách những vấn đề xã hội bắt nguồn từ lịch sử hiện đại đầy biến cố của Việt Nam: những thương đau, chịu đựng, niềm lạc quan, cũng như mối quan hệ gắn kết giữa những người ở lại. Nhìn rộng hơn, nó gợi cho ta nghĩ về sự tồn tại và cái chết qua lăng kính vũ trụ quan, đặc biệt khi nói về cái hữu hạn vô thường của đời người … Mặt khác, thông qua việc biến một biểu tượng tiêu biểu cho chiến tranh thành sự ẩn dụ cho yêu thương và mất mát, tác phẩm tách mình ra khỏi bối cảnh địa phương để kể một câu chuyện liên đới đến toàn nhân loại. Chiếc Ghế Trống, vì thế, trở thành một bài ca của con người, và cho con người …

Tiêu đề tiếng Anh The Vacant Chair là một bài hát nổi tiếng trong thời Nội chiến ở Hoa Kỳ, do George F. Root phổ nhạc vào năm 1861 dựa trên một bài thơ của Henry S. Washburn. Bài hát mang nặng nỗi đau và trống trải của những người mất đi người thương trong cuộc Nội chiến; đây là lý do khiến bài hát trở nên nổi tiếng với cả hai phe Bắc và Nam trong cuộc chiến ở Hoa Kỳ. (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

Trương Công Tùng
Portrait of a deforming symbol. Lost and Found
2017
Two channel video

Chân dung một biểu tượng dần vẹo vọ. Mất và Thấy
2017
Video hai kênh

Taking the vertical axis as a metaphor for urban architecture, the artwork – part of a larger project called 'Another Place Across The River' – is part of a collection of Saigonese urban myths. Urban myths do not necessarily only come from 'human characters'; forgotten objects also reflect a peculiar history of the land – where their life cycle retains the traces of the impact of both humanity and nature. Here, 'material myths' are collected primarily in District 2, where the reformation process of urban space is most apparent: from swampland to semi-urban and then back to swampland, waiting for the future megalopolis. 'Material myth' lies in the torn billboards with fading pictures, advertising slogans or propaganda statements, which used to be hung effulgently by the river. The plethora of scattered iron pieces were metal-detected and dug up to reveal their previous lives. Door bolts, rivets, scale weights, warheads, spears, knives, working tools, etc., count among the things that once contributed to the daily life of a community – now becoming waste to recycle. As man-made objects, they last longer than a human's life cycle. Despite being fragmented, their bodies remain in places where even humanity cannot withstand. These anonymous and worthless objects create an animate world in a landscape lacking human beings. Their absurd world exists in parallel and in opposition to the metropolis full of the sound and movement of people on the other side of the Saigon River. (Text courtesy of the artist)

Lấy trục tung làm ẩn dụ cho kiến trúc đô thị, tác phẩm – nằm trong dự án lớn hơn mang tên 'Một nơi khác bên kia sông' – là một phần trong sưu tập những truyền thuyết đô thị ở Sài Gòn. Ở đây, các truyền thuyết đô thị không chỉ bắt nguồn từ các 'nhân vật người'; những đồ vật bị lãng quên cũng là một phần ký thú trong lịch sử một vùng đất – chúng lưu giữ dấu vết của những tác động từ cả con người và thiên nhiên trong suốt vòng đời tồn tại. Ở đây, 'các truyền thuyết vật chất' được thu thập chủ yếu quanh Quận 2, nơi quá trình cải tạo không gian đô thị diễn ra rõ rệt nhất: từ đầm lầy chuyển sang bán-đô thị rồi lại trở về đầm lầy, mọi thứ đều đang nằm chờ sự xuất hiện của siêu đô thị tương lai. 'Truyền thuyết vật chất' náu mình trong những tấm biển hiệu rách nát với hình vẽ mờ nhạt, những băng rôn quảng cáo và biểu ngữ cổ động, vốn trước kia vẫn phất phơ bây trên mặt sông. Hằng hà sa số những mảnh sắt vụn được rà tìm và đào lên để hé lộ cuộc đời trước kia của chúng. Then cửa, đinh tán, quả cân, đầu đạn, mũi lao, dao, dụng cụ, vân vân – hết thảy từng góp phần vào cuộc sống sinh hoạt trong một cộng đồng thì giờ đây chỉ còn là rác đợi ngày tái chế. Những đồ vật do con người làm ra này lại có tuổi thọ lâu hơn chúng ta rất nhiều. Mặc dù sứt mẻ vụn vỡ, cơ thể của chúng nằm lại ở những nơi không người nào có thể chịu nổi. Những món đồ không tên vô giá trị này tạo nên một thế giới sinh động trong một quang cảnh vắng bóng con người. Thế giới dị thường này tồn tại song song và đối kháng với đô thị xô bồ đầy âm sắc phía bên kia sông Sài Gòn. (Phần miêu tả của nghệ sĩ)

Artist Biography - Tiểu sử của nghệ sĩ

Bàng Nhất Linh

Bàng Nhất Linh (b.1983, Vietnam), whilst working primarily as a visual artist, is also well-known as a collector of American-Vietnam War memorabilia. This interest informs his artistic practice of recontextualizing such memorabilia as communicable and interactive objects. Linh cites the human condition as a primary concern and inspiration for his artistic practice; his work carries themes of memory, history, and the oblivion of submerged psychological spaces. These interests have long formed the basis for his works such as The Vacant Chair, which showed previously at MoT+++, Vietnam in 2015 as well as the Mori Art Museum, Japan as part of the 2017 'SUNSHOWER: Contemporary Art from Southeast Asia 1980s to Now' show. In 2018, Linh showed again at MoT+++ as part of a duo show with artist Wu Chi-Tsung.

Tuy chủ yếu thực hành trong mảng nghệ thuật thị giác, Bàng Nhất Linh (sn.1983, Việt Nam), Linh cũng nổi tiếng là một nhà sưu tầm những kỷ vật về cuộc chiến tranh Hoa Kỳ - Việt Nam. Sở thích này góp phần ảnh hưởng lên thực hành nghệ thuật của anh, vốn xoay quanh việc tạo dựng các bối cảnh giúp ta nhìn nhận lại các kỷ vật nêu trên như những đồ vật biết giao tiếp. Với Linh, nhân trạng vừa là mối quan tâm lớn vừa là nguồn cảm hứng; tác phẩm của anh truyền tải thông điệp về các chủ đề như ký ức, lịch sử, và sự lãng quên các không gian tâm trí chìm khuất. Quả thực, các chủ đề này luôn hiện diện và tạo nên xương sống cho các tác phẩm như Chiếc Ghế Trống, trưng bày ở MoT+++, Việt Nam năm 2015 và sau đó là ở Bảo tàng Nghệ thuật Mori, Nhật Bản năm 2017 trong triển lãm 'SUNSHOWER: Nghệ thuật Đương đại Đông Nam Á từ 1980 đến nay'. Năm 2018, Linh triển lãm lần thứ hai tại MoT+++ cùng với nghệ sĩ Wu Chi-Tsung.

Chu Thảo

Painter Chu Thao was born in 1945 in Hanoi. He graduated from the Faculty of Graphics of the Industrial Fine Arts University in 1967 and graduated from the Vietnam University of Fine Arts- Yet Kieu, Hanoi, in 1981. While on the battlefield (1969-1975), in addition to the professional work as a reporter (he joined the army as a reporter of the Lao Dong newspaper) he was also passionate about recording and composing paintings with many works on the subject of revolutionary war and other topics with many different genres such as autographs. Painting with watercolor materials, graphite, crayon ... His sketches of war have been printed in many domestic art magazines, especially art magazines in Ho Chi Minh City. Many of his works are stored at the Vietnam Fine Arts Museum and the Ho Chi Minh City Museum of Fine Arts, the Ho Chi Minh City War Remnants Museum. In 1994, he exhibited a solo exhibition in Ho Chi Minh City, causing a great resonance in the art industry and outside.

Họa sỹ Chu Thảo sinh năm 1945 tại Hà Nội. Ông tốt nghiệp khoa Đồ họa thuộc Đại học Mỹ thuật công nghiệp năm 1967 và tốt nghiệp Đại học Mỹ thuât Việt Nam - Yết kiêu Hà Nội- năm 1981. Trong thời gian ở chiến trường (1969-1975) ngoài công tác chuyên môn của một phóng viên (ông nhập ngũ khi là phóng viên báo Lao Động) ông còn say mê ghi chép và sáng tác hội họa với nhiều tác phẩm về đề tài chiến tranh cách mạng và các đề tài khác với nhiều thể loại khác nhau như ký họa bằng các chất liệu màu nước, chì than, chì màu... Tranh ký họa chiến tranh của ông đã được in trong nhiều tạp chí mỹ thuật trong nước nhất là các tạp chí mỹ thuật ở TP HCM. Nhiều tác phẩm của ông được lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và Bảo tàng Mỹ thuật TP Hồ Chí Minh, bảo tàng Chứng tích chiến tranh TP Hồ Chí Minh. Năm 1994 ông trưng bày triển lãm cá nhân tại TP Hò Chí Minh gây được tiếng vang lớn trong và ngoài ngành mỹ thuật.

Đỉnh Q. Lê

Đỉnh Q. Lê (b. 1968, Vietnam) is a fine art photographer most well-known for his experimental series of interwoven photographic works. The photo-weavings, as well as other video, installation and sculptural works, depict collective memories and anxieties from his personal experiences escaping the Khmer Rouge attacks in Southern Vietnam and immigrating to the USA at age 10. His work uses a post-colonial lens on the American-Vietnam war to reimagine perspectives on contemporary Vietnamese society and other colonised nations. Đỉnh co-founded San Art in 2007 in Ho Chi Minh City, after returning to Vietnam to live in the early 1990s. Dinh has exhibited widely around the globe and his work can be found in the collections of the Museum of Modern Art (MoMA) in New York, and the San Francisco Museum of Modern Art.

Đỉnh Q. Lê (sn.1968, Việt Nam) là một nhiếp ảnh gia mỹ thuật nổi tiếng với những seri ảnh đan móc đậm tính thử nghiệm. Những tấm ảnh đan cùng các tác phẩm video, sắp đặt, và điêu khắc của anh phác họa tâm thế bất an bén rễ từ ký ức chạy trốn quân Khơ-me Đỏ ở miền Nam Việt Nam và sau đó di cư sang Hoa Kỳ vào năm 10 tuổi. Tác phẩm của anh áp dụng lăng kính hậu thuộc địa để soi chiếu về cuộc chiến tranh Việt Nam – Hoa Kỳ, nhằm tái mường tượng những điểm nhìn đương đại trong xã hội Việt Nam cũng như các quốc gia từng bị đô hộ. Đỉnh đồng sáng lập Sàn Art năm 2007 ở TP. Hồ Chí Minh, sau khi trở về Việt Nam sinh sống vào đầu những năm 1990. Đỉnh đã triển lãm nhiều nơi trên thế giới, các tác phẩm của anh nằm trong các bộ sưu tập lớn của Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại (MoMA) ở New York, và Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại San Francisco.

Laurent Weyl

Laurent Weyl (b.1971, France) is an award-winning photographer whose documentary style approach is used to investigate social and environmental themes relating to topics such as urban poverty and climate change.
His socio-ethnographic works provide an insight into the functionality of rapidly urbanising environments and the harsh living conditions they create. Laurent is a long-term resident of Vietnam and published the photobook President Hotel in conjunction with his solo exhibition of the same name at MoT+++ in 2016. He joined Paris-based photographer collective Collectif Argos in 2001 and with them published Climates Refugees (2010), a portrait of France titled Gueule d'Hexagone (2012), and Footprints (2015).

Laurent Weyl (sn.1971, Pháp) là một nhiếp ảnh gia đoạt giải, người sử dụng cách tiếp cận mang hơi thở phóng sự tài liệu để khám phá các chủ đề xã hội và môi trường, đặc biệt là các chủ đề cảnh nghèo nàn nơi đô thị và biến đổi khí hậu. Các tác phẩm dân tộc học xã hội của anh tiết lộ cho chúng ta những uẩn khúc về các cơ chế vận hành trong những khu vực đang ngày một đô thị hoá cũng như môi trường sống khắc nghiệt mà chúng tạo ra. Laurent là một cư dân lâu đời ở Việt Nam. Anh đã xuất bản cuốn sách hình về Khách sạn President trong cùng dịp triển lãm cá nhân ở MoT+++ năm 2016. Anh gia nhập nhóm nhiếp ảnh gia Collectif Argos vào năm 2001 và đã cùng nhóm xuất bản các ấn phẩm Climate Refugees (2010), một cuốn sách phác hoạ chân dung nước Pháp với tựa đề Gueule d'Hexagone (2012), và Footprints (2015).

Lê Quý Tông

Lê Quý Tông (b.1977, Vietnam) is a painter who works with themes of collective memory and trauma. His more recent works involve sourcing images from mass media, which are then manipulated and abstracted with the application of paint to create multi-layered, intriguing works. Tông graduated from the Hanoi Fine Art University in 2000, and originally became well known for his allegorical paintings of Hanoi's famous industrial landmarks. His move towards themes of protest, struggle, liberation and freedom—both in Vietnam and globally—illustrate his view of the perpetual cycle of conflict and revolution as the undercurrent of our interwoven world history. Tông has exhibited widely in Vietnam with a number of solo shows in both Ho Chi Minh City and Hanoi, as well as elsewhere in Asia and Europe.

Lê Quý Tông (sn.1977, Việt Nam) là một hoạ sĩ vẽ về đề tài ký ức và tập thể và sang chấn tâm lý. Các tác phẩm gần đây của anh biến tấu và trừu tượng hoá những hình ảnh trên truyền thông đại chúng, sử dụng sơn dầu để tạo nên những bức tranh đa tầng và thú vị. Tông tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Hà Nội vào năm 2000. Ban đầu, anh được biết đến chủ yếu qua những bức hoạ phúng dụ về các điểm mốc công nghiệp nổi tiếng ở Hà Nội. Cuộc chuyển dịch sau này qua các chủ đề phản kháng, đấu tranh, giải phóng, và tự do - ở Việt Nam và quốc tế - thể hiện quan điểm của anh về vòng luân chuyển giữa xung đột và cách mạng như nền tảng cho một lịch sử thế giới đan xen. Tông đã triển lãm ở nhiều nơi ở Việt Nam, với triển lãm cá nhân ở cả TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, cũng như châu Á và châu Âu.

Nguyễn Huy An

Nguyễn Huy An (b.1982, Vietnam) uses his work to reflect on the emotive associations of everyday materials and their insights into memory and isolation. He graduated from the Hanoi Fine Art University, Vietnam in 2008, and co-founded the performance art collective The Appendix Group (Phụ Lục) in 2010. In addition to performance, Huy An's minimalist and introspective concepts are expressed as installations, paintings and sculptures that mediate the artist's desire to trace inwards towards the self and the psychology of human behaviour. Huy An spent six-months in Ho Chi Minh City, Vietnam with The Appendix Group as resident artists of MoT+++'s performance plus programme in 2018. He has participated in exhibitions, festivals and residencies across Asia and Europe.

Nguyễn Huy An (sn.1982, Việt Nam) sử dụng tác phẩm như lăng kính phản chiếu các khía cạnh xúc cảm trong những chất liệu đời thường và cách chúng hé mở cánh cửa vào ký ức và ly biệt. Anh tốt nghiệp Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Việt Nam vào năm 2008, sau đó trở thành thành viên đồng sáng lập nhóm Phụ Lục vào năm 2010. Ngoài trình diễn, những ý niệm tối giản và nội vấn của Huy An còn được thể hiện qua các tác phẩm sắp đặt, hội hoạ, và điêu khắc – cầu nối giữa mong muốn đi vào nội tại bản ngã của nghệ sĩ và tâm lý hành vi con người. Năm 2008, Huy An cũng đã dành sáu tháng cùng nhóm Phụ Lục ở TP. Hồ Chí minh, Việt Nam để tham gia lưu trú trong chương trình nghệ thuật trình diễn của MoT+++. Anh đã tham gia vào các triển lãm, lễ hội nghệ thuật, và lưu trú ở châu Á và châu Âu.

Nguyễn Quốc Chánh

Nguyễn Quốc Chánh (b.1958, Vietnam) creates surreal and alluring ceramics that incorporate the abstract lyricism of his well-known poetry into a solid, tangible form. His resulting works oscillate between artisanal craft and conceptual art. Local clay and glazes from his hometown of Biên Hòa situates the work within Vietnam, whilst diverse visual references transcend any one cultural or political context. Chanh has published four collections of poems, Night of the Rising Sun (1990), Inanimate Weather (1997), the samizdats Of Metaphorical Identity (2001) and Hey, I'm Here (2005). In 2018 showed his ceramic works at MoT+++ in Guerilla Tactics, a solo show curated by Dinh Q. Le.

Nguyễn Quốc Chánh (sn.1958, Việt Nam) thổi chất nhạc trừu tượng trong thơ anh vào hình hài hữu thể nhằm tạo ra những tác phẩm gốm siêu thực và cuốn hút. Những tác phẩm của anh luôn dao động giữa mỹ nghệ thủ công và nghệ thuật ý niệm. Tuy sử dụng chất liệu đất sét và men từ quê hương Biên Hoà, những nguồn cảm hứng thẩm mỹ của anh lại vượt ra ngoài giới hạn văn hoá chính trị tại địa phương. Chánh đã xuất bản bốn tuyển tập thơ, Đêm mặt trời mọc (1990), Khí hậu đồ vật (1997), Của căn cước ẩn dụ (2001) và Ê, tao đây (2005). Năm 2018, nghệ sĩ ĐỈnh Q. Lê đã giám tuyển một triển lãm cá nhân tại không gian MoT+++ mang tên Guerilla Tactics / Chiến thuật Du kích để trưng bày các tác phẩm gốm của Chánh.

Phạm Thanh Tâm

Phạm Thanh Tâm (b. Vietnam, 1932-2019) was the eldest son of a traditional revolutionary family. His life as an artist began studying how to sketch and paint revolutionary posters in a propaganda division of Military Zone III. In 1950 Tâm joined the Việt Minh resistance army and was assigned to work as a reporter for the Quyết Thắng (Be Determined to Win) newspaper. He went on to join the Điện Biên Phủ campaign as a journalist and artist. His role was to record the daily life and hardships of soldiers and civilian volunteers on the front lines. Tâm began studying at the Vietnam Fine Art College in 1963, before graduating in 1967 with a speciality in oil painting. He returned to the front lines in the south before ending the war with North Vietnamese army units in Saigon in 1975. Following the war, Tâm collaborated with the official Quân Đội Nhân Dân (People's Army) newspaper to stage touring exhibitions of wartime art works. He retired and lived in Ho Chi Minh City, Vietnam until his death in 2019.

Phạm Thanh Tâm (sn. Việt Nam, 1932-2019) là con trưởng trong một gia đình truyền thống cách mạng. Cuộc đời làm họa sĩ của ông bắt đầu học cách ký họa và vẽ tranh cổ động cách mạng trong một đội tuyên truyền của Quân khu III. Năm 1950, ông tham gia Việt Minh kháng chiến và được giao làm phóng viên báo Quyết Thắng. Ông tiếp tục tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ với tư cách là một nhà báo và một nghệ sĩ. Vai trò của ông là ghi lại cuộc sống hàng ngày và những khó khăn gian khổ của những người lính và dân tình nguyện nơi tiền tuyến. Ông bắt đầu theo học tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam năm 1963, trước khi tốt nghiệp năm 1967 với chuyên ngành sơn dầu. Ông trở lại tiền tuyến ở miền Nam trước khi kết thúc cuộc chiến với các đơn vị bộ đội Bắc Việt Nam tại Sài Gòn năm 1975. Sau chiến tranh, ông cộng tác với tờ báo Quân Đội Nhân Dân để tổ chức các chuyến lưu diễn triển lãm các tác phẩm nghệ thuật thời chiến. Ông nghỉ hưu và sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cho đến khi qua đời vào năm 2019.

The Propeller Group / Nhóm Propeller

The Propeller Group was formed in 2006 by the artists Phunam Thúc Hà (b.1974, Vietnam) and Tuấn Andrew Nguyễn (b.1976, Vietnam), who were later joined by Matt Lucero (b.1976, USA) in 2008. Together they created The Propeller Group to cross the boundaries of contemporary art and visual media production. Based in both Ho Chi Minh City, Vietnam and Los Angeles, USA their work often incorporates collaborations with other artists in order to foster a critical and questioning global practice integrated with local idiosyncrasies. They have exhibited extensively worldwide, including at the Museum of Modern Art (MoMA) and the Guggenheim Museum in New York, at Para Site, Hong Kong, and as part of the 56th Venice Biennale.

Nhóm Propeller được thành lập năm 2006, bao gồm các nghệ sĩ Phunam Thúc Hà (sn.1974, Việt Nam) và Tuấn Andrew Nguyễn (sn.1976, Việt Nam), sau đó có thêm Matt Lucero (sn.1976, Hoa Kỳ) gia nhập vào năm 2008. Mục tiêu của nhóm là vượt lên và xoá nhoà đường biên giữa nghệ thuật đương đại và sản phẩm truyền thông thị giác. Hoạt động giữa TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam và Los Angeles, Hoa Kỳ, nhóm thường xuyên cộng tác với các nghệ sĩ khác làm tác phẩm, nhằm nuôi dưỡng một thực hành sâu sắc, kết hợp các đặc tính địa phương và hơi thở toàn cầu. Nhóm đã triển lãm trên toàn thế giới, bao gồm ở Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại (MoMA), https://www.guggenheim.org/ ở New York, Para Site ở Hồng Kông, và trong Venice Biennale lần thứ 56.

Trâm Carin Lương

Tram Carin Luong (b.Vietnam) is a trained filmmaker and visual anthropologist. Her work examines the interrelation between collective memories, historical trauma, and cultural representation. She combines rigorous research with artistic mediation to arrive at new ways of investigating the connections between the past and present, between the lived reality of modern life and the turns of history. She holds a B.A in International Studies and Studio Arts from Trinity College, USA and a MPhill in Anthropology from Yale University, USA. Her work has been featured at the New Haven Documentary Film Festival 2018, USA, Hanoi DocFest 2018 Vietnam, and Ethnografilm Paris 2018 France, among others. In 2018 she was selected as an A. Farm Season 0 resident artist.

Trâm Carin Lương (s. Việt Nam) là một nhà làm phim và nhà nghiên cứu nhân học thị giác. Tác phẩm của cô mổ xẻ mối tương quan giữa ký ức tập thể, sang chấn lịch sử, và biểu hiện văn hoá. Cô dung nạp sự chặt chẽ trong nghiên cứu với khả năng 'bắc cầu' của nghệ thuật để đi đến những hướng khám phá mới trong cách chúng ta nhìn nhận mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, giữa thực tại đang sống và những biến cố lịch sử. Cô tốt nghiệp bằng cử nhân ngành Quốc tế học và Mỹ thuật Studio tại Đại học Trinity, Hoa Kỳ và bằng thạc sĩ Nhân chủng học tại Đại học Yale, Hoa Kỳ. Tác phẩm của cô đã tham dự vào Liên hoan Phim tài liệu New Haven Documentary 2018 (Hoa Kỳ), Hanoi DocFest 2018 (Việt Nam), và Ethnografilm Paris 2018 (Pháp), bên cạnh nhiều sự kiện khác. Năm 2018, cô trở thành nghệ sĩ lưu trú Mùa 0 tại A. Farm Season 0.

Trương Công Tùng

Trương Công Tùng (b.1986, Vietnam) often draws from spiritual cultures and oral histories to examine the material intersection of humans and nature. Công Tùng specialised in lacquer painting at the Ho Chi Minh City Fine Arts University, graduating in 2010. Since then, he has expanded his practice to incorporate mediums such as video and installation, and continues to approach painting as an experimental form. Originating from the highlands of Dak Lak in the Central Highlands, Công Tùng spent his early life in rural surroundings before moving to Ho Chi Minh City for university; much of his work addresses Vietnam's rapid urban development and concurrent social and political changes. Công Tùng has exhibited widely in Ho Chi Minh City at Galerie Quynh in 2018, The Factory Contemporary Arts Centre in 2017 and San Art in 2014 and 2011, as well as in Europe and Asia. In 2012, he co-founded artist-curator collective Art Labor, based in Ho Chi Minh City, Vietnam.

Trương Công Tùng (sn.1986, Việt Nam) thường lấy cảm hứng từ văn hoá tâm linh và lịch sử truyền miệng, qua đó bóc tách những tầng đan xen giữa con người và thiên nhiên. Công Tùng theo học chuyên ngành sơn mài tại Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, tốt nghiệp năm 2010. Từ đó đến nay, anh đã nới rộng đường biên sáng tác, thử sức với video và sắp đặt trong khi vẫn duy trì việc thử nghiệm trong hội hoạ. Xuất thân từ vùng cao nguyên Đăk Lăk, Công Tùng dành hầu hết quãng đời thơ ấu ở nơi thôn dã trước khi chuyển đến TP. Hồ Chí Minh để học đại học; vì thế, hầu hết các tác phẩm của anh đều phản ánh thực trạng đô thị hóa ào ạt cũng như những thay đổi chính trị xã hội kèm theo ở Việt Nam. Công Tùng đã triển lãm ở nhiều nơi ở TP. Hồ Chí Minh, tại Galerie Quynh năm 2018, Trung tâm Nghệ thuật Đương đại The Factory năm 2017, và Sàn Art năm 2014 và 2011, cũng như ở châu Âu và châu Á. Năm 2012, anh đồng sáng lập nhóm nghệ sĩ – giám tuyển Art Labor, ở TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Võ An Khánh

Vo An Khanh (b.1936, Vietnam) is most well known for his striking black and white photographs of the American-Vietnam War, and their testament to human resilience. Starting life as a farming and fishing in the Bac Lieu Province, Vo An Khanh moved to moved to Ho Chi Minh City (Saigon), Vietnam, where he started a photography lab business, after American forces captured his younger and elder brothers in 1956, before joining the North Vietnamese Communist Army in 1960. He became manager for the Photography Department of the cause in 1961, travelling the area with a rare touring exhibition from 1962-75. Vo An Khanh's photography has since gained international recognition, including showing in the 2002 'Another Vietnam: Pictures of the War from the Other Side' exhibition in New York, USA.

Võ An Khánh (sn.1936, Việt Nam) được biết đến chủ yếu qua những tấm ảnh đen trắng chụp cảnh chiến tranh Hoa Kỳ - Việt Nam, những chứng nhân cho tinh thần bất khuất của con người. Xuất thân làm nghề nông và đánh cá ở Bạc Liêu, Võ An Khánh sau đó chuyển đến TP. Hồ Chí Minh City (lúc đó là Sài Gòn), nơi ông kinh doanh tiệm ảnh. Sau khi quân đội Mỹ bắt anh em của ông vào năm 1956, ông gia nhập Quân đội miền Bắc Việt Nam vào năm 1960. Ông trở thành Trưởng Cục Nhiếp ảnh trong kháng chiến vào năm 1961, được đặc cách di chuyển trong khu vực cùng với triển lãm di động hiếm hoi từ năm 1962 đến 1975. Các bức ảnh của Võ An Khánh sau đó trở nên nổi tiếng toàn cầu, từng được trưng bày năm 2002 trong triển lãm 'Một Việt Nam khác: Thước ảnh chiến tranh nhìn từ bên kia chiến tuyến' tại New York, Hoa Kỳ.

Vương Duy Khoái

Vương Duy Khoái (b. 1981, Hanoi, Vietnam) is a painter practising since 2008. He graduated with a Bachelor of Arts from Faculty of Fine Arts, Hanoi University of Theater and Cinema in 2017 and has taken part in numerous exhibitions in Vietnam. Ha has been awarded the the C Prize at the Hanoi Fine Arts Exhibition in 2015 and 2020.

Vương Duy Khoái (sn. 1981, Hà Nội, Việt Nam) là một họa sĩ hành nghề từ năm 2008. Anh tốt nghiệp Cử nhân Mỹ thuật Khoa Mỹ thuật, Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội năm 2017 và đã tham gia nhiều triển lãm tại Việt Nam. Hà từng được giải C tại Triển lãm Mỹ thuật Hà Nội năm 2015 và 2020.

List of works
Danh sách tác phẩm

Bàng Nhất Linh

The Vacant Chair
2013-2015
Installation

Chu Thảo

Portrait of a soldier from 8th Division - Comrade Ho Si Que
1969
Watercolor on paper
27 x 20 cm

Liberation army soldier from Ede ethnic group
1969
Drawing
27 x 19.5 cm

Comrade Dieu Tam
1969
Ky Hoa
27 x 20 cm

Soldier of Delta Division - Comrade Dao Van Hoc
1973
Drawing
27 x 19.5 cm

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Phan Xuan Hoa
1973
Drawing
27 x 19.5 cm

Soldier of Mekong Division
1973
Drawing
27 x 19.5 cm

Dong chi Trieu Xuan Hiep
1973
Ky Hoa
27 x 19.5 cm

Portrait of a soldier from 8th division - Comrade Ha Van Cau
1973
Drawing
27 x 19.5 cm

Military post soldier
1973
Ky Hoa
27 x 20 cm

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Son
1974
Watercolor on paper
29 x 21 cm

Portrait of a doctor, hero of the South Vietnamese Liberation Army
1973
Drawing
31 x 24 cm

First class private Dau
1974
Drawing
22 x 14.5 cm

A Liberation Army soldier
1974
Drawing
27 x 20 cm

Soldier of Delta Division - Comrade Mao Sy Cuoc
1973
Paint on paper
27 x 19.5 cm

Portrait of a young soldier
1973
Watercolor on paper
26 x 19 cm

Minority liberation army soldier
1974
Drawing
27 x 20 cm

Portrait of a Liberation Army soldier - Comrade Truong Quang Tho
1973
Drawing
31.5 x 24 cm

Portrait of a Liberation Army soldier in Mekong Delta
1974
Watercolor on paper
32 x 24 cm

Portrait of a liberation army soldier from Cambodia
1971
Watercolor on paper
30.5 x 23.5 cm

Ambush on the battlefield
1974
Watercolor on paper
24 x 32 cm

Southern aunty
1973
Drawing
23 x 15.5 cm

Portrait of Mr. Bay
1973
Watercolor on paper
19 x 13.5 cm

A young girl in Loc Tan
1973
Watercolor on paper
24 x 17.5 cm

Comrade Fao
1973
Ky Hoa
27 x 19.5 cm

Chu Thảo

Aunt Nam, Mum Hai
1974
Ky Hoa
21 x 29 cm

Gunner B40
1974
Watercolor on paper
21 x 29 cm

Soldier communicating on the battlefield
1974
Watercolor on paper
20.5 x 29 cm

Gunner on the delta
1974
Watercolor on paper
21 x 29 cm

Portrait of Uncle Ba in Kien Giang
1974
Watercolor on paper
26 x 19 cm

Portrait of a Cambodian man in Prey Veng
1974
Watercolor on paper
31 x 23 cm

A break moment in the base
1978
Paint on paper
13 x 20 cm

Shed in the woods
1972
Paint on paper
18 x 26 cm

Truong Son soldier 2
1974
Watercolor on paper
24 x 31.5 cm

Dinh Q. Le

A Drift in Darkness
2017
Digital Print Awagami bamboo paper, laser cut and weaved onto cane
118 x 102 x 90 cm

Laurent Weyl

Window #1 (President Hotel)
2017
Photography
50 x 75 cm

Perspective #2 (President Hotel)
2017
Photography
50 x 75 cm

Lê Quý Tông

B29 Plane
2011
Oil on canvas
130 x 250 cm

Nguyễn Huy An

STUDY OF THE FLUCTUATION OF A SHADOW
2014
Three painted blackboard panels
360 x 220 cm

A Ă Â ...
2014
29 glass wooden boxes, outdoor wall and paint
12 x 32 x 7 cm each

Nguyễn Quốc Chánh

Moulds and Models 1
2016
Ceramic and glaze
60 x 44 x 28 cm

Moulds and Models 2
2016
Ceramic and glaze
63 x 29 x 24 cm

Phạm Thanh Tâm

War Sketch 4
17 x 11.5 cm

War Sketch 5
29 x 21 cm

War Sketch 131
1975
29 x 21 cm

War Sketch 22
1975
29 x 21 cm

War Sketch 21
1963
18 x 13 cm

War Sketch 96
19 x 14 cm

War Sketch 64
21 x 16.5 cm

War Sketch 53
13.5 x 9.5 cm

War Sketch 123
13 x 9 cm

Phạm Thanh Tâm

War Sketch 38
27 x 21 cm

war sketch 55
15 x 13.5 cm

War Sketch 6
1978
24 x 40 cm

War Sketch 58
1978
20 x 35 cm

War Sketch 36
19.5 x 15.5 cm

War Sketch 35
27 x 21 cm

War Sketch 40
27 x 21 cm

War Sketch 31
24 x 19 cm

The Propeller Group

AK-47 vs. M16
2015
Fragments of AK-47 and M16 bullets, ballistics gel, custom vitrine and digital video
137 x 64 x 37 cm

Trâm Carin Lương

Marx.Weber.Hegel.Andme
2018
Installation of one channel video, stone and paper powder

Trương Công Tùng

Portrait of a deforming symbol. Lost and Found
2017
Two channel video

Võ An Khánh

Extra-curriculum Political Science Class 7/1972
2010
Archival pigment inkjet print
56 x 40 cm

Mobile Military Medical Clinic 9/1970
2010
Photography
59 x 40 cm

Vương Duy Khoái

Rice field
2004
Gouache on print paper
40 x 60 cm

ACKNOWLEDGEMENT

Renaissance International School & EMASI International School
Teachers
Atlanta Cecilia Frith
Cathelyn Gentuya
Cesar Yael Velez Velez
Joshua James
Limbert Palabrica Goloran
Sheryl Susan Freeman
and students

MOT Team
Alessandra Dias
Nguyen Tra My
Tran Thanh Ha

Post Vidai

Art Space Manager
Nguyen Thi Tuong Vy

Exhibition Design by
Passapak Klomsakul

Installer
Luke Schneider

Catalog Design by
Benyapa Wongwanichaya

Curator would like to thank Dinh Q. Le, Arlette Quỳnh-Anh Trần
and Zoe Butt

TRI ÂN

Trường quốc tế Renaissance Sài Gòn & Trường song ngữ quốc tế EMASI
Giáo viên
Atlanta Cecilia Frith
Cathelyn Gentuya
Cesar Yael Velez Velez
Joshua James
Limbert Palabrica Goloran
Sheryl Susan Freeman
và học sinh

MOT+++
Alessandra Dias
Nguyen Tra My
Tran Thanh Ha

Post Vidai

Art Space Manager
Nguyen Thi Tuong Vy

Trưng Bày Thiết Kế bởi
Passapak Klomsakul

Lắp Đặt bởi
Luke Schneider

Thiết Kế Catalog bởi
Benyapa Wongwanichaya

Giám tuyển trân trọng cảm ơn Dinh Q. Le, Arlette Quỳnh-Anh Trần
và Zoe Butt

CHAPTER 1

PEOPLE, VICTORY, LIFE AFTER THE WAR

the Nguyen Art Foundation

EMASI school of the avant-garde

Renaissance INTERNATIONAL SCHOOL SAIGON Inspire Achieve

THE JIM THOMPSON ART CENTER